

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ THỊ PHƠ

**PHIÊN TÒA XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ
MÀ BỊ CÁO LÀ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI THEO PHÁP
LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN
QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tố tụng Hình sự

Mã số: 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. TRẦN THỊ QUANG VINH**

HÀ NỘI – 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, dữ liệu và một số kiến thức của các tác giả khác trong luận văn này được sử dụng trung thực, có đầy đủ nguồn dữ liệu đáng tin cậy theo quy định của một công trình khoa học. Kết quả nghiên cứu trong luận văn là trung thực và chưa từng được công bố tại bất kỳ công trình khoa học nào.

Tác giả luận văn

LÊ THỊ PHƠ

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHIÊN TÒA XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ MÀ BỊ CÁO LÀ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM	6
1.1. Khái niệm và ý nghĩa phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi	6
1.2. Các nguyên tắc tố tụng hình sự liên quan đến phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi	13
1.3. Khái lược lịch sử phát triển của quy định pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi	19
Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VỀ PHIÊN TÒA XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ MÀ BỊ CÁO LÀ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN TẠI QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	25
2.1. Những vấn đề chung về phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi	25
2.2. Trình tự và thủ tục của phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi từ thực tiễn tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	39
2.3. Văn bản tố tụng của phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi từ thực tiễn xét xử Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	47
2.4. Đánh giá thực trạng phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	52
Chương 3: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TTHS VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA PHIÊN TÒA XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ MÀ BỊ CÁO LÀ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI	61
3.1. Cải cách tư pháp về định hướng nâng cao hiệu quả xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm	61
3.2. Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm	64
3.3. Những giải pháp nâng cao hiệu quả xét xử tại phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi	71
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	79
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
BLTTHS	Bộ luật tố tụng hình sự
TTHS	Tố tụng hình sự
TNHS	Trách nhiệm hình sự
NCTN	Người chưa thành niên
HTND	Hội thẩm nhân dân
TAND	Tòa án nhân dân
TANDTC	Tòa án nhân dân tối cao
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân
HĐXX	Hội đồng xét xử

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

1. Bảng số 2.1: Thống kê về số lượng HTND là giáo viên hoặc là cán bộ Đoàn thanh niên, người kiêm nhiệm, độ tuổi và được chứng nhận hoặc cấp chứng chỉ công nhận có trình độ hiểu biết về khoa học giáo dục và tâm lý học đối với người phạm tội dưới 18 tuổi.
2. Bảng số 2.2: Thống kê tình hình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự có người dưới 18 tuổi thực hiện trên địa bàn Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến 2016.
3. Bảng số 2.3: Thống kê các loại tội phạm do NCTN thực hiện đã được xét xử trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2011 đến năm 2016.
4. Bảng số 2.4: Thống kê xét xử người dưới 18 tuổi phạm tội chia theo nhóm tuổi trên địa bàn Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 theo Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị thể hiện quan điểm và chủ trương của Đảng ta về cải cách tư pháp hình sự đề cao vai trò của Tòa án trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là bảo đảm vị trí trung tâm của Tòa án trong hệ thống tư pháp, giữ vai trò trọng tâm của hoạt động xét xử trong TTHS và thực hiện tranh tụng. Thực hiện chiến lược cải cách tư pháp, cùng với việc xác định Tòa án là cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp, Hiến pháp năm 2013 đã xác định nhiệm vụ của Tòa án nhân dân là bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Với vị trí đặc biệt và những thẩm quyền hiến định thì chỉ Tòa án thực hiện xét xử đưa ra phán quyết nhân danh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có thẩm quyền coi một người là có tội và phải chịu hình phạt, bảo đảm quyền quan trọng của bị can, bị cáo với tính cách là quyền con người về dân sự. Trong toàn bộ quá trình TTHS, phiên tòa xét xử là nơi thể hiện tập trung và rõ nét bản chất hoạt động xét xử của Tòa án, quyết định tính đúng đắn, khách quan của việc giải quyết vụ án, bảo vệ quyền con người và bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Sự hội nhập ngày càng sâu rộng của đất nước và sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế thị trường là động lực to lớn đưa đất nước tiến lên, nhưng mặt trái của nó cũng mang lại nhiều hiện tượng tiêu cực, nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết, trong đó có tình hình tội phạm và tình trạng người dưới 18 tuổi phạm tội ngày càng gia tăng và trở thành vấn đề nhức nhối của toàn xã hội. Sự phạm tội của người dưới 18 tuổi không chỉ hủy hoại cuộc đời của chính các em mà còn gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho xã hội. Do chưa phát triển đầy đủ về thể chất, tâm sinh lý, khả năng nhận thức và kinh nghiệm sống còn bị hạn chế hơn so với người trưởng thành nên người dưới 18 tuổi được xem là đối tượng dễ bị xâm phạm, cần được sự quan tâm, bảo vệ của toàn xã hội. Việc người dưới 18 tuổi phạm tội suy cho cùng trách nhiệm chính thuộc về gia đình, nhà trường và xã hội, vì đã

quan tâm, chăm sóc, giáo dục người dưới 18 tuổi chưa đúng mức, chưa đầy đủ. Pháp luật hình sự và TTHS đã có những Điều luật quy định riêng, chương riêng trong việc áp dụng với người dưới 18 tuổi phạm tội, Điều 301 đến Điều 310 - Chương XXXII của BLTTHS 2003 quy định về thủ tục tố tụng đối với người phạm tội dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, qua thực tiễn các quy định này chưa đủ chi tiết, cụ thể để những người tiến hành tố tụng bảo đảm hệ thống tố tụng được vận hành phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Hiện tại, Việt Nam đã có tòa án xét xử dành riêng cho người dưới 18 tuổi theo tinh thần cải cách tư pháp, có quy định thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi (Điều 413 đến Điều 430, Chương XXVIII của BLTTHS 2015), nhưng chưa được áp dụng rộng rãi trên thực tế.

Để đảm bảo tất cả các vụ án hình sự đều được đưa ra xét xử theo đúng tinh thần cải cách tư pháp, để có được Bản án công bằng, vô tư luôn tạo ra sức mạnh và được người dân tin tưởng thì mục đích lớn nhất trong việc xử lý người phạm tội nói chung và người dưới 18 tuổi phạm tội nói riêng là nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, trở thành người có ích cho xã hội, nhằm góp phần phòng ngừa, ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật hình sự là một vấn đề vừa mang tính nhân văn, vừa mang tính pháp lý. Vì vậy, phiên tòa xét xử hình sự nói chung và phiên tòa xét xử người dưới 18 tuổi phạm tội nói riêng phải đảm bảo được vai trò trọng tâm của hoạt động xét xử của Tòa án trong TTHS và đảm bảo thực hiện tính tranh tụng tại phiên tòa theo đúng tinh thần cải cách tư pháp.

Qua nghiên cứu các nội dung quy định của pháp luật về phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, học viên thấy rằng mặc dù quy định pháp luật hình sự và TTHS nước ta đã tương đối tiến bộ, đầy đủ, nhưng thực tiễn vẫn còn nhiều trường hợp chưa được áp dụng hoặc chưa áp dụng đúng pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm về trình tự, thủ tục xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, kỹ năng điều khiển phiên tòa của Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa còn bất cập, Hội thẩm nhân dân (HTND) chưa thể hiện được tính độc lập và vai trò giáo dục khi xét xử người phạm tội dưới 18 tuổi, Kiểm sát viên không tranh luận với người bào chữa, người bào chữa chưa làm tròn trách nhiệm của mình, bị cáo và người tham gia tố tụng khác chưa hiểu quy định pháp luật để sử dụng bảo vệ quyền lợi chính đáng của

mình. Vì vậy những quy định tiến bộ, nhân đạo đã không phát huy được mặt tích cực của nó. Bên cạnh đó, một số nội dung quy định pháp luật hiện nay đã không theo kịp sự phát triển của xã hội, hay có quan hệ xã hội phát sinh mới, một số quy định chưa có sự điều chỉnh phù hợp để được đi vào thực tế.

Chính vì vậy, học viên chọn đề tài luận văn "Phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh" với mong muốn có những đóng góp cho việc bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích chính đáng của bị cáo là người dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm, góp phần xây dựng thành công nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Khi chọn đề tài "*Phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh*" cho luận văn của mình, học viên đã tham khảo một số nghiên cứu về lĩnh vực tư pháp đối với người dưới 18 tuổi như: "*Những vướng mắc trong thực tiễn xét xử NCTN phạm tội*" của Ths Quách Hữu Thái tham luận tại hội thảo chuyên đề của trường đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh năm 2013; "*Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của NCTN theo pháp luật TTHS Việt Nam*" luận án tiến sỹ 2013 Học viện Khoa học Xã hội của Trần Hưng Bình; "*Xét xử hình sự sơ thẩm đối với NCTN phạm tội từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh*" Luận văn Thạc sỹ luật học năm 2016 Học viện Khoa học Xã hội của Trương Hồng Tú; "*Về hình thức tổ chức và thủ tục xét xử của phiên tòa hình sự*" của Ths Đinh Văn Quế; "*Xét xử sơ thẩm trong TTHS Việt Nam*" của NCS Võ Thị Kim Oanh ...

Tuy nhiên, các nghiên cứu nêu trên đều cập đến cả quá trình giải quyết vụ án mà bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi từ giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử cho đến thi hành án mà chưa đi sâu vào hoạt động tố tụng tại phiên tòa. Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài là cần thiết và phù hợp với yêu cầu thực tiễn của công cuộc cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước đã đề ra trong giai đoạn hiện nay, định hướng đến năm 2020.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Thông qua việc nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự, pháp luật TTHS và thực tiễn hoạt động tố tụng tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm, luận văn đưa ra một số tồn tại, hạn chế cũng như khó khăn vướng mắc, từ đó kiến nghị các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động tố tụng tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần nâng cao nhận thức của các chủ thể tiến hành tố tụng, cũng như toàn xã hội trong việc bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi trong TTHS nói chung và hoạt động tố tụng tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm nói riêng.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu những vấn đề mang tính lý luận và thực tiễn liên quan đến trình tự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự đối với người phạm tội dưới 18 tuổi từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc phiên tòa theo quy định của BLTTHS hiện hành.

Căn cứ trên phạm vi nghiên cứu nêu trên, đối tượng nghiên cứu là các quy định của pháp luật TTHS hiện hành về phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm đối với người phạm tội dưới 18 tuổi từ thực tiễn Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta về Nhà nước và pháp luật.

Các nghiên cứu cụ thể như phương pháp nghiên cứu tài liệu, nghiên cứu các bản án sơ thẩm và Biên bản phiên tòa của TAND Quận 7 đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi; phương pháp thống kê, phân tích, tổng hợp các số liệu, báo cáo của cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016; phương pháp so sánh, đối chiếu các số liệu, tài liệu với thực trạng quy định pháp luật và thực tiễn xét xử hiện hành để từ đó đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả xét xử.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Kết quả nghiên cứu và những vấn đề xuất trong luận góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về hoạt động tố tụng tại phiên tòa xét xử đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của pháp luật hình sự, pháp luật TTHS Việt Nam cho những người làm công tác xét xử, góp phần nâng cao chất lượng xét xử các vụ án hình sự nói chung, trong đó có vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu hữu ích cho những ai quan tâm nghiên cứu pháp luật TTHS về thủ tục tố tụng tại phiên tòa xét xử đối với người phạm tội dưới 18 tuổi (sinh viên, học viên, tài liệu tuyên truyền pháp luật ...).

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục các bảng biểu, phụ lục và các từ viết tắt, nội dung luận văn được bố cục thành 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.

Chương 2: Những vấn đề pháp lý về phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và thực tiễn tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Chương 3: Hoàn thiện pháp luật TTHS và giải pháp nâng cao hiệu quả của phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHIÊN TÒA XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ MÀ BỊ CÁO LÀ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1 Khái niệm và ý nghĩa phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi

1.1.1 Khái niệm phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi

Khái niệm người phạm tội dưới 18 tuổi trong pháp luật TTHS

Theo các giai đoạn phát triển và theo lứa tuổi của con người được hiểu dưới góc độ thuật ngữ pháp lý thì chia thành người chưa thành niên (NCTN) (trong đó có trẻ em) và người đã thành niên. Người thành niên có thể hiểu là người thuộc về lứa tuổi trưởng thành cả về thể chất và tinh thần, về tâm lý lẫn sinh lý. Theo từ điển tiếng Việt khái niệm NCTN là: “*NCTN là người chưa phát triển đầy đủ, toàn diện về thể lực, trí tuệ, tinh thần cũng như chưa có đầy đủ quyền và nghĩa vụ công dân*”.

Ở phạm vi rộng hơn, các văn bản pháp luật quốc tế liên quan đến NCTN mà Việt Nam đã phê chuẩn là thành viên gồm: Công ước về quyền trẻ em (được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 20-11-1989); Quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên hợp quốc về áp dụng pháp luật với trẻ em (gọi là Quy tắc Bắc Kinh ngày 29-11-1985); Hướng dẫn của Liên hợp quốc về phòng ngừa phạm pháp ở trẻ em (Hướng dẫn Ri-át, ngày 14-12-1990), ... thì trẻ em được xác định là người dưới 18 tuổi. Còn các văn kiện của một số tổ chức thuộc Liên hợp quốc như: Quỹ dân số thế giới (UNFPA), Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) quy định trẻ em là người dưới 15 tuổi. Như vậy, theo pháp luật quốc tế người dưới 18 tuổi được coi là trẻ em.

Pháp luật Việt Nam quy định chưa có sự thống nhất với nhau một cách cụ thể để xác định lứa tuổi nào là trẻ em, lứa tuổi nào là NCTN, cũng như phân biệt một cách rõ ràng khái niệm trẻ em, trẻ vị thành niên và NCTN. Cụ thể: Điều 161 Bộ luật Lao động năm 2012 quy định: “*Người lao động chưa thành niên là người lao động dưới 18 tuổi*”. Điều 1 Luật Bảo vệ, chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 2004 quy định: “*Trẻ em là công dân Việt Nam dưới 16 tuổi*”. Điều 20 Bộ luật dân sự năm 2005 thì “*người chưa đủ 18*

tuổi là NCTN". Theo đó, NCTN là người chưa đủ 18 tuổi và như vậy cũng phù hợp với các quy định chung của công ước quốc tế về trẻ em mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Dưới góc độ pháp luật hình sự, NCTN phạm tội là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi (Điều 69 BLHS) vào thời điểm họ thực hiện tội phạm. Từ quy định này của BLHS hiện hành NCTN là những người chưa đủ 18 tuổi, nhưng chỉ những NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi mới phải chịu TNHS về hành vi phạm tội, những người dưới 14 tuổi không bị truy cứu TNHS đối với mọi hành vi của mình. Trong đó, người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu TNHS về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, còn người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi tội phạm. Như vậy, tuổi bắt đầu có năng lực TNHS là từ đủ 14 tuổi và tuổi có năng lực TNHS đầy đủ là đủ 16 tuổi trở lên.

Dưới góc độ pháp luật TTHS, Điều 50 BLTTHS 2003 quy định bị cáo là người đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử tại phiên tòa. Căn cứ vào quy định này và quy định tại Điều 12 của BLHS về tuổi chịu TNHS, thì có thể hiểu bị cáo dưới 18 tuổi là người từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi ở thời điểm đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử. Có thể nhận thấy sự khác biệt trong việc xác định thời điểm tính tuổi của người phạm tội trong lĩnh vực hình sự với cách tính tuổi của bị cáo trong TTHS. Sự khác biệt này hoàn toàn có cơ sở bởi lẽ:

+ Dưới góc độ pháp luật hình sự, thời điểm tính tuổi người phạm tội phải căn cứ vào thời điểm thực hiện tội phạm bởi tại thời điểm đó mới phản ánh đúng trình độ nhận thức của người phạm tội đối với yêu cầu đòi hỏi của pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng. Việc xác định TNHS chỉ phù hợp khi cân nhắc đến trình độ nhận thức của người phạm tội về hành vi phạm tội của mình đúng vào thời điểm thực hiện tội phạm. Hệ quả của việc xác định này đưa đến việc lựa chọn đường lối xử lý phù hợp đối với NCTN phạm tội.

+ Dưới góc độ TTHS, việc xác định tuổi của bị cáo phải căn cứ vào thời điểm ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, bởi lẽ vào thời điểm mở phiên tòa xét xử bị cáo phải được đối xử theo một trình tự tố tụng phù hợp đúng với lứa tuổi của họ. Hệ quả của cách xác định nêu trên đưa đến quy định là chỉ áp dụng trình tự tố tụng đặc biệt

đối với NCTN phạm tội, nếu tại thời điểm ra quyết định đưa vụ án ra xét xử họ là người dưới 18 tuổi.

Như vậy, nếu lúc phạm tội, người thực hiện tội phạm dưới 18 tuổi, nhưng khi đưa vụ án ra xét xử họ đã tròn 18 thì sẽ giải quyết theo hướng: ở khía cạnh PLHS, người phạm tội sẽ được áp dụng các quy định về quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội; nhưng thủ tục và trình tự tố tụng được áp dụng là thủ tục chung đối với người đã đủ 18 tuổi.

Từ những phân tích trên có thể đưa ra khái niệm về người phạm tội dưới 18 tuổi như sau: *Dưới góc độ TTHS, người phạm tội dưới 18 tuổi là người phạm tội từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi khi bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử.*

Khái niệm phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi

Với vai trò và thẩm quyền hiến định “*Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp*” (Điều 102 Hiến pháp năm 2013), chỉ Tòa án với bản án của mình mới có thẩm quyền coi một người có tội và phải chịu hình phạt, nhưng để xác định một người có tội và phải chịu hình phạt hay không đòi hỏi phải đưa họ ra xét xử trước phiên tòa, trước hết là ở phiên tòa sơ thẩm. Trong khoa học Luật TTHS, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được hiểu là giai đoạn TTHS quan trọng do Tòa án thực hiện lần đầu ở cấp xét xử thứ nhất nhằm xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ, các tài liệu của vụ án hình sự, trên cơ sở đó ra bản án, quyết định để xác định có hành vi phạm tội hay không, người thực hiện hành vi phạm tội, hình phạt được áp dụng đối với người thực hiện hành vi phạm tội và giải quyết các vấn đề khác có liên quan trong vụ án hình sự. Hoạt động tố tụng giải quyết vụ án hình sự được thể hiện và tập trung cao nhất là hoạt động xét xử tại phiên tòa, bởi vì tại phiên tòa, sau khi nghiên cứu khách quan, toàn diện và đầy đủ các tình tiết, chứng cứ của vụ án một cách công khai thông qua hoạt động xét hỏi và tranh luận, HĐXX xác định một người có tội hay không, hình phạt và biện pháp tư pháp đối với họ, dựa trên những căn cứ, theo những trình tự do pháp luật TTHS quy định.

“Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là xét xử cấp thứ nhất do tòa án có thẩm quyền thực hiện theo quy định của pháp luật TTHS [37, tr.451]. Theo BLTTHS 2003, thủ tục, trình tự tố tụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là thủ tục đặc biệt.

Với những nội dung trên, “Phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi là việc xét xử vụ án hình sự theo thủ tục tố tụng đặc biệt, mà bị cáo trong phiên tòa là người từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi, do Tòa án có thẩm quyền mở ra lần đầu ở cấp thứ nhất để xem xét, đánh giá họ có tội hay không có tội theo cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.”

Như vậy, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đối với người phạm tội dưới 18 tuổi có những đặc điểm sau:

+ *Đây là phiên tòa cấp thứ nhất xét xử vụ án hình sự*

Hiến pháp 2013 quy định: “Chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm được bảo đảm” (khoản 6 Điều 103 Hiến pháp 2013). Tinh thần Hiến định nêu trên đã được thể hiện tại Điều 20 BLTTHS 2003 quy định nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử theo đó xét xử sơ thẩm là cấp thứ nhất xét xử vụ án hình sự. Phiên tòa xét xử sơ thẩm là nơi vụ án lần đầu tiên được đưa ra xét xử công khai trước các bên có liên quan đến vụ án và trước công chúng tham dự phiên tòa. Ở giai đoạn khởi tố, điều tra chưa có sự hiện diện của Tòa án trong vai trò cơ quan xét xử, tại giai đoạn xét xử sơ thẩm mà cụ thể là ở phiên tòa sơ thẩm, trước sự chứng kiến của người tham dự phiên tòa, vụ án được xem xét công khai và toàn diện, có sự tham gia đầy đủ cùng một lúc của các chủ thể, trong đó Tòa án trong vai trò là người thực hiện chức năng xét xử để giải quyết vụ án.

Phiên tòa xét xử là nơi các bên thực thi chức năng tố tụng của mình một cách công khai và đầy đủ nhất. Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là người thực hiện chức năng buộc tội – thực hành quyền công tố trước phiên tòa. Bị cáo và người bào chữa của họ thực hiện chức năng bào chữa trong sự bảo hộ đầy đủ hơn của pháp luật. Tòa án thực hiện chức năng xét xử và phán xét bị cáo có tội hay không có tội.

+ *Bị cáo là người dưới 18 tuổi*

Điểm đặc biệt của phiên tòa sơ thẩm này chính là bị cáo là người phạm tội dưới 18 tuổi. Đây là đối tượng có những đặc điểm tâm sinh lý đặc biệt thể hiện ở các khía cạnh:

Thứ nhất, bị cáo dưới 18 tuổi thường có những hạn chế về mặt thể chất cũng như tâm sinh lý do lứa tuổi nên năng lực TNHS của họ hạn chế hơn so với người đã đủ 18 tuổi trở lên. “*NCTN là người chưa phát triển đầy đủ về thể chất cũng như về tâm sinh lý. Trình độ nhận thức và kinh nghiệm sống của họ còn nhiều hạn chế. NCTN phạm tội thiếu điều kiện và bản lĩnh tự lập, khả năng tự kiểm chế chưa cao, dễ bị kích động, dễ bị lôi kéo vào các hoạt động phạm pháp. Tuy nhiên, NCTN “có khả năng phục thiện nhanh hơn do động cơ của phần lớn NCTN phạm tội thường mang tính chất đặc thù về lứa tuổi, như nghịch ngợm, muốn tỏ rõ lòng dũng cảm, tự ái không muốn thua kém người khác, đánh giá sai tình huống và các giá trị chuẩn mực trong các mối quan hệ xã hội, dễ dàng chịu ảnh hưởng của người khác”* [37, tr.444]

Thứ hai, với những đặc điểm tâm sinh lý nêu trên nên bị cáo dưới 18 tuổi chưa có năng lực đầy đủ để có thể tự bảo vệ lợi ích của mình trước sự buộc tội của Nhà nước. Nhìn nhận sự hạn chế về năng lực tự bảo vệ quyền lợi chính đáng của bị cáo dưới 18 tuổi và xuất phát từ chính sách bảo vệ đặc biệt đối với người dưới 18 nên Nhà nước đã quy định thủ tục đặc biệt đối với hoạt động TTHS trong trường hợp người phạm tội là người dưới 18 tuổi.

+ *Phiên tòa được tiến hành theo thủ tục đặc biệt*

Phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi được xem là phiên tòa đặc biệt, bởi vì phiên tòa đó được tiến hành theo thủ tục tố tụng đặc biệt dành cho bị cáo là người dưới 18 tuổi. Ngoài đặc điểm chung về phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, cũng như việc bắt buộc phải tuân thủ những nguyên tắc chung trong quá trình tố tụng khi xét xử sơ thẩm, được quy định tại BLTTHS năm 2003 của phiên tòa hình sự sơ thẩm thông thường, thì phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi còn phải đảm bảo các đặc trưng về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi. Những đặc trưng này thể hiện ở các quy định:

Về tiêu chuẩn của người tiến hành tố tụng “*phải là những người có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục cũng như hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm của NCTN*” (Điều 302 BLTTHS 2003). Xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ngoài yêu cầu Thẩm phán và Hội thẩm phải là người nắm vững kiến thức pháp luật thì đòi hỏi họ phải có thêm điều kiện riêng, đó là họ phải là người có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục, cũng như hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm đối với người dưới 18 tuổi.

Về thành phần HĐXX hình sự sơ thẩm trong vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi, cũng giống như phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự chung là “bảo đảm có Hội thẩm tham gia” và phải đúng theo quy định tại Điều 185 BLTTHS 2003 HĐXX sơ thẩm gồm một Thẩm phán và hai Hội thẩm, trong vụ án có tính chất nghiêm trọng, phức tạp thì HĐXX có thể hai Thẩm phán và ba Hội thẩm. Đối với các vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi thì thành phần HĐXX bắt buộc phải có Hội thẩm là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh (khoản 1 Điều 307 BLTTHS 2003). Việc yêu cầu có một Hội thẩm trong HĐXX là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên là việc cần có một thành viên trong HĐXX hiểu được tâm lý của người dưới 18 tuổi, qua đó dễ thông cảm, sẻ chia và thấu hiểu, để có những đánh giá đầy đủ và toàn diện mức độ nguy hiểm của hành vi do người phạm tội dưới 18 tuổi gây ra, từ đó đưa ra chế tài hợp tình, hợp lý, đúng pháp luật.

Về sự tham gia của người bào chữa trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi là bắt buộc, việc bắt buộc sự có mặt của người bào chữa thể hiện đặc điểm riêng biệt của phiên tòa xét xử sơ thẩm đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi. Bảo đảm sự tham gia bắt buộc của người bào chữa là bảo đảm nguyên tắc “bảo đảm quyền bào chữa” trong TTHS, sau là hỗ trợ, giúp đỡ cho người dưới 18 tuổi khi phải bị xét xử trước phiên tòa.

Đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự sơ thẩm mà bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ngoài những vấn đề cần chứng minh trong vụ án hình sự được quy định tại Điều 63 BLTTHS 2003, bắt buộc cơ quan tiến hành tố tụng phải xác định rõ các vấn đề về: Xác định độ tuổi, trình độ phát triển về thể chất và tinh thần, mức độ nhận thức về hành vi phạm tội của NCTN, Điều kiện sinh sống và giáo dục NCTN;

Có hay không có người thành niên xúi giục, Nguyên nhân và điều kiện phạm tội (khoản 2 Điều 302 BLTTHS 2003).

Việc tham gia tố tụng tại phiên tòa của gia đình, nhà trường và tổ chức xã hội trong vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi. Thông thường, tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự chúng ta thấy sự có mặt của gia đình bị cáo, sự có mặt này hoàn toàn không bắt buộc theo quy định của pháp luật. Trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi thì sự có mặt của gia đình, nhà trường, tổ chức xã hội vừa là quyền đồng thời cũng là nghĩa vụ.

1.1.2 Ý nghĩa quy định phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi

Phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo dưới 18 tuổi có ý nghĩa hết sức quan trọng, là nơi đánh giá trực tiếp các căn cứ trong hồ sơ vụ án và căn cứ bổ sung tại phiên tòa để định đoạt số phận pháp lý của người bị truy cứu TNHS là người dưới 18 tuổi. Giải quyết vụ án hình sự phải tuân thủ đúng đắn thủ tục tố tụng do pháp luật TTHS quy định để đảm bảo tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Từ tính chất đặc thù về chủ thể và đặc thù về tính chất vụ việc, thủ tục tố tụng của phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi cũng phải tuân thủ đúng đắn quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng đặc biệt bảo đảm tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo dưới 18 tuổi, mặt khác thể hiện rõ được chính sách hình sự nhân đạo của Nhà nước trong việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm là người dưới 18 tuổi, có ý nghĩa trong việc giáo dục giúp đỡ người phạm tội dưới 18 tuổi sửa chữa sai lầm để tiếp tục phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội đúng theo chủ trương, mục đích chính sách hình sự đối với người phạm tội dưới 18 tuổi của Nhà nước ta.

Phiên tòa hình sự sơ thẩm là nơi các nguyên tắc cơ bản của TTHS được thể hiện đậm nét nhất. Phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm thường được tiến hành công khai, thể hiện đầy đủ nhất quyền bào chữa của bị cáo là người dưới 18 tuổi, đồng thời cũng là một hình thức giám sát của nhân dân đối với hoạt động xét xử của Tòa án. Có thể nói, chính sách pháp luật của Đảng, nhà nước, hiệu quả hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật, của những người tiến hành tố tụng có tạo được niềm

tin trong quần chúng nhân dân hay không, các nguyên tắc của TTTHS được thực hiện như thế nào, mức độ dân chủ, tính nhân văn, nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa thế nào, thì phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi là nơi để chúng ta nhìn nhận và phán xét.

Phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm bị cáo dưới 18 tuổi có sự tham gia đầy đủ của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng với địa vị pháp lý được xác định, có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định trách nhiệm pháp lý cũng như quyền lợi hợp pháp của người tham gia tố tụng. Thông qua phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo dưới 18 tuổi, đánh giá được trình độ nghiệp vụ của Thẩm phán, của Hội thẩm, của Kiểm sát viên, của Luật sư và những người tham gia tố tụng tố tụng khác. Bên cạnh đó, phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm góp phần nâng cao trình độ nghiệp vụ, năng lực công tác và kỹ năng nghề nghiệp của người tiến hành tố tụng. Đồng thời, những người dự phiên tòa hiểu biết thêm về pháp luật, củng cố thêm lòng tin vào Tòa án. Phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi cũng là hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật ấn tượng và hiệu quả, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm trong toàn xã hội nói chung và tội phạm lứa tuổi chưa thành niên nói riêng.

1.2 Các nguyên tắc tố tụng hình sự liên quan đến phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi

1.2.1 Nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật

Điều 103 Hiến pháp 2013 và Điều 16 BLTTTHS 2003 quy định: “*Khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*”, độc lập xét xử không chỉ là nguyên tắc xét xử mà còn là nguyên tắc hiến định đảm bảo cho Tòa án không bị chi phối bởi bất cứ sự tác động nào khi ra bản án hoặc quyết định.

Khi xét xử vụ án hình sự, HĐXX căn cứ vào các tình tiết của vụ án, căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào pháp luật để xác định tội phạm và hình phạt đối với người phạm tội, phù hợp với diễn biến thực tế của vụ án đã xảy ra. Độc lập khi xét xử là sự độc lập giữa các thành viên của HĐXX trong việc nghiên cứu hồ sơ, xem xét, đánh giá chứng cứ và đưa ra kết luận

về sự việc phạm tội và người thực hiện tội phạm theo nhìn nhận đánh giá vụ án của riêng mình mà không bị phụ thuộc vào quan điểm của các thành viên khác trong HĐXX, không dựa vào quan điểm trong Kết luận điều tra và Bản cáo trạng. Trong quá trình giải quyết vụ án không một cơ quan hay một cá nhân dù ở cấp nào trong hệ thống tư pháp được can thiệp nhằm tác động đến Thẩm phán đang thực hiện thẩm quyền ra bản án. Kể cả tổ chức chính trị xã hội như Mặt trận tổ quốc Việt Nam có quyền giới thiệu HTND, là thành viên của hội đồng tuyển chọn Thẩm phán có quyền giám sát hoạt động xét xử của Tòa án nhưng không có quyền can thiệp vào công việc xét xử của Thẩm phán và HTND. Sự độc lập trong xét xử còn thể hiện ở việc giữa các thành viên của HĐXX độc lập khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, khi xét hỏi tại phiên tòa và độc lập biểu quyết từng vấn đề của vụ án khi nghị án theo nguyên tắc Thẩm phán đưa ra ý kiến và biểu quyết sau khi các Hội thẩm đưa ra ý kiến.

Thẩm phán và HTND độc lập xét xử nhưng không có nghĩa là tùy tiện, chủ quan trong xét xử mà phải tuân theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án trong việc định tội và lượng hình theo trình tự, thủ tục tố tụng của BLTTHS, tuân theo BLDS khi giải quyết bồi thường thiệt hại.

Độc lập xét xử và chỉ tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội thẩm là hai nội dung của một nguyên tắc có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Độc lập là điều kiện cần thiết để Thẩm phán và Hội thẩm tuân theo pháp luật. Ngược lại tuân theo pháp luật đảm bảo cho các thành viên HĐXX được độc lập không bị chi phối bởi các tác động từ bên ngoài.

Tòa án là cơ quan xét xử duy nhất. Hoạt động xét xử của Tòa án đều do HĐXX thực hiện, kết quả của hoạt động xét xử vụ án hình sự là ra bản án hoặc quyết định có căn cứ và đúng pháp luật và có liên quan trực tiếp đến quyền tự do, lợi ích hợp pháp, tài sản và thậm chí tính mạng của người bị kết án. Do vậy bản án hay quyết định của HĐXX phải chính xác, khách quan và đúng pháp luật. Để đảm bảo cho những yêu cầu này pháp luật quy định cho các thành viên HĐXX là Thẩm phán và Hội thẩm được độc lập khi xét xử và pháp luật cũng buộc các thành viên HĐXX là Thẩm phán và Hội thẩm chỉ tuân theo pháp luật khi xét xử. Nguyên tắc này có vị trí quan trọng và quan trọng chi phối hoạt động xét xử của Tòa án.

1.2.2. Nguyên tắc xét xử công khai

Là một nguyên tắc hiến định (Điều 103 Hiến pháp 2013) và là nguyên tắc cơ bản của luật TTHS (Điều 18 BLTTHS 2003), thể hiện tính công khai, dân chủ trong quá trình giải quyết vụ án hình sự bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Nguyên tắc này quy định mọi công dân từ 16 tuổi trở lên đều có quyền tham dự phiên tòa và Tòa án phải công bố tất cả các quyết định được thông qua trong quá trình xét xử vụ án. Tòa án xét xử công khai ở trụ sở Tòa án nhưng trong trường hợp cần phát huy mạnh mẽ tác dụng giáo dục và phòng ngừa của công tác xét xử thì Tòa án có thể tiến hành các phiên tòa xét xử lưu động tại nơi xảy ra tội phạm. Nguyên tắc xét xử công khai không chỉ áp dụng đối với hoạt động xét xử sơ thẩm, mà đối với cả hoạt động xét xử phúc thẩm. Nguyên tắc xét xử công khai thông qua hoạt động của Tòa án về việc công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời gian, địa điểm mở phiên tòa phải được niêm yết công khai trước khi xét xử; tại phiên tòa công khai các chứng cứ, tài liệu điều tra trong giai đoạn điều tra, bản cáo trạng... Sau khi xét xử cần phải tuyên án công khai và bản án đó Tòa án có thể công bố trên báo chí, đài phát thanh hoặc bằng các phương tiện thông tin đại chúng khác để mọi người được biết. Tuy nhiên, đảm bảo nguyên tắc công khai không có nghĩa là trong tất cả mọi trường hợp, với mọi vụ án đều phải xét xử công khai, mà có những trường hợp đặc biệt thì Tòa án xét xử kín. Nếu như việc xét xử công khai nhằm thực hiện nhiệm vụ của TTHS: “bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân” thì việc xét xử kín không nằm ngoài những nhiệm vụ đó, cũng nhằm “giữ bí mật nhà nước, giữ thuần phong mỹ tục của dân tộc”, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân xét xử kín để giữ bí mật theo yêu cầu chính đáng của họ.

Nguyên tắc xét xử công khai có ý nghĩa nhất định trong đời sống xã hội và ảnh hưởng đến hoạt động xét xử của Tòa án. Nguyên tắc này góp phần vào việc giáo dục và nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật của nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân giám sát hoạt động xét xử của Tòa án, thu hút lực lượng xã hội vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và nâng cao tinh thần trách nhiệm của Tòa án trước

nhân dân. Hoạt động xét xử của Tòa án là nhằm bảo vệ pháp luật, rất dễ có nguy cơ phương hại đến quyền con người, việc xét xử trực tiếp đụng chạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Khi xét xử dựa trên chứng cứ và sự thật khách quan nhưng được nhìn nhận qua lăng kính chủ quan của HĐXX, nên nếu không đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai trong hoạt động xét xử hình sự của Tòa án thì dẫn đến chuyên quyền, quan liêu và tệ hơn nữa là ở nơi đó “quốc nạn tham nhũng” sẽ hoành hành, việc xét xử không đảm bảo tính khách quan, chất lượng xét xử thấp làm ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; làm cho uy tín của Tòa án bị ảnh hưởng nghiêm trọng; vai trò giáo dục công dân của Tòa án qua hoạt động xét xử không được phát huy.

1.2.3. Thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTTHS

Điều 107 Hiến pháp 2013, Điều 23 BLTTTHS năm 2003, Điều 1 Luật tổ chức VKSND quy định Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp góp phần bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Trong giai đoạn xét xử, Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật thông qua hoạt động quyết định truy tố bị can ra trước Tòa án, tham gia xét xử và chủ động tham gia xét hỏi, kiểm tra tài liệu, chứng cứ, tích cực, chủ động tham gia tranh luận, đối đáp với Luật sư và các chủ thể khác tham gia tranh tụng tại phiên tòa, yêu cầu Tòa án đảm bảo đúng quy định về thủ tục xét xử đối với người phạm tội, thực hiện luận tội đối với bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án đã góp phần cho phiên tòa xét xử người phạm tội được diễn ra dân chủ và bình đẳng hơn. Khi thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật, Viện kiểm sát có trách nhiệm phát hiện kịp thời vi phạm pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng, áp dụng các biện pháp do BLTTTHS quy định để loại trừ việc vi phạm pháp luật của cơ quan hoặc cá nhân này.

Thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật là hai chức năng độc lập của Viện kiểm sát nhưng có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, hoạt động

công tố là tiền đề cho hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật và ngược lại; kết quả hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật là cơ sở cho hoạt động thực hành quyền công tố có hiệu quả.

1.2.4. Bảo đảm quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo

Bảo đảm quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là nguyên tắc Hiến định (khoản 4 Điều 31 Hiến pháp 2013), nguyên tắc đặc thù và quan trọng của luật TTHS (Điều 11 BLTTHS 2003). Theo đó, bị can, bị cáo có quyền sử dụng quyền bào chữa trong bất cứ giai đoạn tố tụng nào được thực hiện dưới hai hình thức: bị can, bị cáo tự bào chữa và nhờ người khác bào chữa. Người bào chữa có thể là luật sư; người đại diện hợp pháp của bị can; bị cáo, bào chữa viên nhân dân.

Pháp luật quy định cho bị can, bị cáo các quyền cần thiết để chứng minh sự vô tội hoặc giảm nhẹ TNHS, đề xuất yêu cầu, xuất trình chứng cứ và pháp luật cũng quy định cho bị can, bị cáo quyền nhờ người bào chữa và trong một số trường hợp (khoản 2 Điều 57 BLTTHS 2003) nếu bị can, bị cáo, người đại diện hợp pháp của họ không nhờ bào chữa thì cơ quan tiến hành tố tụng phải yêu cầu Đoàn luật sư hoặc đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cử người bào chữa. Nguyên tắc đảm quyền bào chữa ở giai đoạn xét xử sơ thẩm coi như tập trung nhất quyền bào chữa, ở các giai đoạn tố tụng khác quyền này cũng được đảm bảo nhưng không bằng giai đoạn xét xử sơ thẩm. Ở giai đoạn điều tra trường hợp cần giữ bí mật điều tra đối với tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia thì người bào chữa tham gia từ khi kết thúc điều tra (khoản 1 Điều 58 BLTTHS 2003) hoặc giai đoạn giám đốc thẩm người bào chữa chỉ tham gia khi Tòa án xét thấy cần thiết.

Pháp luật TTHS quy định về bào chữa bắt buộc là quy định tiến bộ, phù hợp với xu hướng dân chủ và bảo đảm nhân quyền trong TTHS. Nguyên tắc đảm quyền bào chữa ở giai đoạn xét xử sơ thẩm đòi hỏi Tòa án phải tạo điều kiện thuận lợi để bị cáo thực hiện quyền bào chữa, tạo điều kiện thuận lợi cho người bào chữa tham gia tố tụng theo đúng quy định nhằm đảm bảo tính thận trọng, khách quan và tránh phạm phải những sai lầm không khắc phục được khi xét xử vụ án (kết án oan sai), cũng như đảm bảo tính nhân đạo của pháp luật trước bị cáo.

1.2.5. Nguyên tắc xét xử hình sự sơ thẩm phải trực tiếp, bằng lời nói và liên tục

Xuất phát từ bản chất của hoạt động xét xử là công khai, nguyên tắc xét xử sơ thẩm hình sự phải trực tiếp, bằng lời nói và liên tục là một trong những đặc trưng để nhận biết một thủ tục do Tòa án thực hiện có phải là cấp xét xử không chính là việc xét xử phải tiến hành trực tiếp, bằng lời nói và liên tục. Việc xét xử tại phiên tòa phải được tiến hành trực tiếp, bằng lời nói giữa những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng. Tòa án phải trực tiếp xác định những tình tiết vụ án bằng cách thẩm vấn và nghe trả lời của bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, người giám định, xem xét vật chứng và nghe lời bào chữa. Việc xét xử phải được tiến hành liên tục về thời gian từ khi mở đầu phiên tòa cho đến khi tuyên án trừ thời gian nghỉ và thời gian nghị án. Tính liên tục không nhất thiết có nghĩa là không được có sự ngắt quãng về thời gian, tính liên tục thể hiện ở chỗ trong khi đang xét xử một vụ án thì những người tiến hành tố tụng không được tham gia xét xử vụ án khác để có thể tập trung tư tưởng, theo dõi liên tục quyết định một cách chính xác, khách quan về vụ án. Khi người tiến hành tố tụng bị thay đổi hoặc không tiếp tục thực hiện xét xử thì vụ án chỉ được tiếp tục xét xử nếu có Thẩm phán, HTND dự khuyết và họ phải có mặt từ đầu phiên tòa, nếu không vụ án phải được xét xử lại từ đầu.

Hoạt động xét xử nhân danh quyền lực nhà nước nhằm xem xét, đánh giá và ra phán quyết về tính hợp pháp của hành vi, vì vậy Tòa án không thể xem xét, không thể đánh giá và cũng không thể ra phán quyết mà không dựa trên việc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục. Xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục là quy định có tính nguyên tắc đối với hoạt động xét xử hình sự cần được chấp hành nghiêm túc vì kết quả phiên tòa xét xử là ra bản án, quyết định phán quyết mang tính chất định đoạt về số phận pháp lý của một con người, một hành vi nên cần phải được giải quyết trực tiếp bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa và bản án, quyết định cũng cần được tuyên tại phiên tòa. Nếu không cần trực tiếp bằng lời nói thì cũng không cần có Tòa án để thực hiện chức năng xét xử và việc hoãn phiên tòa tùy tiện là vi phạm thủ tục tố tụng, gây khó khăn trong việc tìm ra sự thật khách quan của vụ án, gây phiền hà

và làm mất thời gian của nhân dân, gây sự nghi ngờ, thiếu tin tưởng của nhân dân đối với công tác xét xử của Tòa án.

1.3. Khái lược lịch sử phát triển của quy định pháp luật TTHS Việt Nam về phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi

1.3.1 Quy định của pháp luật TTHS Việt Nam từ năm 1945 đến trước pháp điển lần thứ nhất (1988)

Từ năm 1945 đến năm 1954

Cách mạng tháng 8 năm 1945 thành công, ngày 02/9/1945 chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản tuyên ngôn độc lập tại Quảng Trường Ba Đình lịch sử, khai sinh nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Nhà nước kiểu mới ra đời, nhưng trong thời kỳ này pháp luật chúng ta vẫn sử dụng những chế định tiến bộ của Nhà nước phong kiến, thực dân trước đó đã ban hành trên cơ sở có sự sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với xã hội theo hướng mở rộng dân chủ, tự do cho người dân.

Trong bối cảnh Nhà nước công nông vừa mới ra đời sau cuộc kháng chiến giành chính quyền lâu dài của nhân dân, khả năng quản trị xã hội của chúng ta còn yếu kém. Do đó, trong suốt thời kỳ này Nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa có rất ít văn bản pháp luật để điều chỉnh quan hệ xã hội nói chung và điều chỉnh vấn đề TTHS nói riêng. Mọi hoạt động tố tụng giải quyết vụ án hình sự chủ yếu tuân thủ và dựa trên cơ sở các quy định mang tính hiến định cho toàn bộ hoạt động tư pháp Việt Nam trong Hiến pháp 1946 (Chương VI từ Điều 63 đến Điều 69) với các nguyên tắc: "Tư pháp chưa quyết định thì chưa được bắt bớ và giam cầm công dân Việt Nam" (Điều 11) và "Các phiên tòa đều phải công khai, trừ trường hợp đặc biệt", "người bị cáo được quyền bào chữa lấy hoặc mượn Luật sư", "cấm không được tra tấn, đánh đập, ngược đãi bị cáo và tội nhân" (Điều 67 và 68). Do vậy, trong giai đoạn này chưa có văn bản pháp luật nào về tố tụng được ban hành để áp dụng xét xử các vụ án mà bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi. Mọi hoạt động TTHS chủ yếu tuân thủ và dựa trên các quy định mang tính hiến định về cơ quan tư pháp được quy định trong Hiến pháp.

Từ năm 1954 đến năm 1975

Năm 1954 ký Hiệp định Giơ-ne-vơ, Việt Nam bị chia cắt thành hai miền Nam Bắc tại vĩ tuyến 17, với hai chế độ và hai hệ thống pháp luật hoàn toàn khác nhau. Hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa được xây dựng từ năm 1945 ở miền Bắc, tiếp tục được kế thừa, phát triển và hoàn thiện. Còn ở miền Nam, đế quốc Mỹ và ngụy quyền cũng xây dựng nhà nước Tư bản Chủ nghĩa.

Miền Bắc với sự hậu thuẫn của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Về pháp luật trong giai đoạn này, Nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa vẫn chưa có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh để quản lý xã hội. Trong lĩnh vực TTHS cũng chưa có văn bản pháp luật hay bộ luật nào điều chỉnh thống nhất trình tự thủ tục để giải quyết vụ án, song chúng ta vẫn có những văn bản tổng kết kinh nghiệm, thông tư hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng khi xét xử như: Thông tư số 06/TATC ngày 19-9-1967 của TANDTC về đảm bảo quyền bào chữa của bị can, bị cáo; Bản rút kinh nghiệm số 607/NKPL ngày 13-9-1973 của TANDTC về việc viết bản án sơ thẩm và phúc thẩm; Thông tư số 16/TATC ngày 27-9-1974 của TANDTC cao hướng dẫn về trình tự, thủ tục sơ thẩm về hình sự.

Tóm lại, đến thời điểm này Nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa vẫn chưa có một văn bản pháp luật nào quy định thống nhất trình tự thủ tục xét xử hình sự sơ thẩm đối với người phạm tội dưới 18 tuổi, mà phải dựa vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đã ban hành để làm căn cứ xử lý các vụ án hình sự nói chung và các vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi nói riêng.

Ở Miền Nam, Nhà nước Tư bản với sự hậu thuẫn của các nước phát triển, đặc biệt là hệ thống pháp luật được tiếp xúc giao thoa với các nước này nên tương đối phát triển và hoàn thiện hơn miền Bắc. Trẻ em dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa được Nhà nước nâng đỡ, chăm sóc. Cụ thể: “Quốc gia công nhận gia đình là nền tảng của xã hội. Quốc gia khuyến khích, nâng đỡ, săn sóc sản phụ và thai nhi” (khoản 1 Điều 17 Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa, 1967); điều này được thể chế hóa trong các đạo luật do chính phủ Việt Nam Cộng Hòa ban hành như: Điều 1 Luật 11/58 ngày 03/7/1958 về thiết lập Tòa án thiếu nhi quy định Tòa án thiếu nhi sẽ được thiết lập bằng các sắc lệnh tại nơi xét ra cần thiết. Tòa án thiếu nhi có thẩm

quyền xét xử các thiếu nhi nhỏ hơn 18 tuổi can tội đại hình hay tiểu hình. Tuy nhiên, trong trường hợp có đồng phạm hay đồng lõa 18 tuổi hoặc trên 18 tuổi tòa án thường có thẩm quyền xét xử nhưng phải áp dụng luật thiếu nhi với can phạm nhỏ hơn 18 tuổi. Qua các quy định trên, chúng ta nhận thấy hệ thống pháp luật Việt Nam Cộng Hòa có những bước phát triển rất tiến bộ. Đã có những chế định riêng biệt để bảo vệ cho trẻ em nói chung và người phạm tội dưới 18 tuổi nói riêng.

Từ năm 1975 đến năm 1988

Tháng 7/1976 nước ta thống nhất về mặt Nhà nước, sau đó là quá trình thống nhất về mặt pháp luật. Tuy nhiên trong suốt thời gian từ năm 1975 đến năm 1988 trước khi BLTTHS năm 1988 được thông qua thì chúng ta không có một chế định cụ thể nào quy định về trình tự thủ tục áp dụng trong việc xét xử hình sự sơ thẩm đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi. Ngày 28/6/1988 BLTTHS được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/1989 thay thế cho các văn bản pháp luật đơn lẻ trước đây về thủ tục điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự nói chung và thủ tục xét xử vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi nói riêng. Ngày 13/11/1986, Hội đồng Bộ trưởng đã ra Nghị quyết số 141- HĐBT ban hành quy chế buộc phải chịu thử thách đối với bị can, bị cáo là người phạm tội dưới 18 tuổi (từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi) phạm tội ít nghiêm trọng. Nội dung của quy chế cũng quy định rõ trách nhiệm của gia đình, xã hội trong việc giám sát, giáo dục, giúp đỡ NCTN khi họ buộc phải áp dụng biện pháp này.

1.3.2. Quy định của pháp luật TTHS Việt Nam sau pháp điển lần thứ nhất cho đến nay

Từ năm 1988 đến năm 2003

Bộ luật TTHS năm 1988 là Bộ luật đầu tiên pháp điển hóa các quy định của pháp luật trước đó về trình tự, thủ tục tố tụng đối với việc giải quyết vụ án hình sự; về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ của các cơ quan tiến hành tố tụng; về quyền, nghĩa vụ tố tụng của những người tham gia tố tụng; trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Bộ luật TTHS 1988 được thông qua lần đầu tiên quy định về trình tự, thủ tục đối với bị can, bị cáo là NCTN tại Chương XXXI, phần VII gồm 11 điều. Không áp dụng hình phạt tù chung thân, tử hình với

bị can, bị cáo là NCTN. Ngoài ra, một số văn bản dưới luật được ban hành nhằm điều chỉnh kịp thời những vấn đề còn tồn tại, vướng mắc trong quá trình áp dụng BLTTHS năm 1988, trong đó đáng chú ý là công văn 52/1999/KHXX ngày 15/6/1999 của TANDTC về việc thực hiện một số quy định của BLTTHS đối với bị cáo chưa thành niên, Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 của TANDTC hướng dẫn về khái niệm “giáo viên” ...

Nhìn chung, từ Cách Mạng Tháng Tám đến khi BLTTHS 1988 được thông qua, pháp luật nước ta đã có những bước phát triển và dần hoàn thiện theo tinh thần đổi mới, tiến bộ hơn. Đặc biệt, nguyên tắc, đường lối xử lý người phạm tội dưới 18 tuổi không ngừng được hoàn thiện và phát triển, để việc xử lý người phạm tội dưới 18 tuổi chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội và những quy định này hầu như được BLTTHS năm 2003 hiện hành kế thừa.

Từ năm 2003 đến sự ra đời Bộ luật TTHS năm 2015

Bộ luật TTHS năm 2003 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa 11, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 26/11/2003 để thay thế cho BLTTHS 1988. BLTTHS 2003 đã thể hiện quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta đối với người phạm tội dưới 18 tuổi. Nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội dưới 18 tuổi chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Trình tự, thủ tục xử lý hình sự đối với người phạm tội dưới 18 tuổi được quy định rõ trong BLTTHS năm 2003, (đặc biệt là Chương XXXII - Thủ tục tố tụng đối với NCTN). Theo đó, thứ nhất, BLTTHS bảo đảm tối đa quyền bào chữa của bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi (Điều 305). Thứ hai, BLTTHS quy định việc tham gia tố tụng của gia đình, nhà trường, tổ chức đoàn thanh niên, v.v...(Điều 306) trong các vụ án người phạm tội dưới 18 tuổi. Thứ ba, BLTTHS cũng yêu cầu người tiến hành tố tụng các vụ án người phạm tội dưới 18 tuổi có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm của NCTN. Đồng thời, thành phần HĐXX bắt buộc phải có một Hội thẩm là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (Điều 302 và 307). Thứ tư, để

bảo đảm bí mật đời tư cho người phạm tội dưới 18 tuổi trong trường hợp cần thiết thì Tòa án có thể xét xử kín.

Ngay sau khi Hiến pháp năm 2013 có hiệu lực thi hành, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật để đưa Hiến pháp vào cuộc sống đã được đặt ra và nghiêm túc thực hiện. Trong số đó, có BLTTHS 2015 được thông qua có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, liên quan trực tiếp đến những quyền cơ bản nhất của con người, của công dân, trong đó có người phạm tội dưới 18 tuổi. BLTTHS 2015 đã quy định về trình tự, thủ tục xử lý hình sự đối với người phạm tội dưới 18 tuổi tại Chương XXVIII với 17 Điều, từ Điều 413 đến Điều 430. Trên cơ sở kế thừa những quy định còn phù hợp của BLTTHS 2003, khắc phục căn bản những vướng mắc, bất cập đặt ra qua thực tiễn; Bộ luật BLTTHS 2015 đã tham khảo, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam hiện nay.

Kết luận chương 1

Trong toàn bộ quá trình tố tụng, xét xử đóng vai trò trọng tâm, thể hiện đầy đủ bản chất tư pháp của Nhà nước. Phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi là trình tự, thủ tục quan trọng giữ vai trò trung tâm trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, thể hiện được chính sách hình sự nhân đạo của Nhà nước thông qua các quy định của pháp luật mà Tòa án áp dụng để xét xử người phạm tội dưới 18 tuổi. Nhà nước một mặt tham gia tích cực các điều ước Quốc tế về bảo vệ trẻ em, mặt khác, luôn kiên toàn tổ chức bộ máy, hoàn thiện pháp luật, đặc biệt cải cách về phiên tòa hình sự theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch nhằm nâng cao chất lượng xét xử hình sự bảo vệ quyền công dân, đặc biệt là người phạm tội dưới 18 tuổi.

Tội phạm dưới 18 tuổi là một dạng chủ thể thực hiện hành vi phạm tội đặc biệt. Do vậy, việc lựa chọn biện pháp xử lý và thực hiện các hành vi tố tụng phù hợp với lứa tuổi cụ thể của người phạm tội dưới 18 tuổi khi xét xử hình sự sơ thẩm có ý nghĩa quan trọng trong việc áp dụng pháp luật. Trình tự, thủ tục phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đối với bị cáo dưới 18 tuổi cũng phải tuân theo những quy định riêng biệt về trình tự tố tụng đặc biệt, phân hóa thành nhóm tuổi để từ đó có thể áp dụng hình phạt một cách tương xứng, phù hợp, vừa răn đe, phòng ngừa

nhưng cũng phải thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng với mục đích giáo dục là chính. Thực tiễn thi hành BLTTHS về quy định thủ tục tố tụng đặc biệt tại phiên tòa sơ thẩm khi xét xử bị cáo dưới 18 tuổi, bên cạnh những mặt tích cực, còn bộc lộ nhiều vướng mắc chưa phù hợp chưa đáp ứng theo tinh thần cải cách tư pháp và đáp ứng nhu cầu đổi mới xã hội mà NQ 48-NQ/TW và NQ 49-NQ/TW về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam, chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đề ra. Do vậy, để có một cái nhìn tổng thể về và lý luận và thực tiễn về phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đối với bị cáo dưới 18 tuổi cần phải làm rõ các nội dung quy định pháp luật có liên quan thông qua thực tiễn xét xử. Những vấn đề này sẽ được phân tích, làm rõ tại Chương 2 của luận văn.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VỀ PHIÊN TÒA XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ MÀ BỊ CÁO LÀ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN TẠI QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1 Những vấn đề chung về phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi

2.1.1 Chủ thể tiến hành tố tụng trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi từ thực tiễn Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh Hội đồng xét xử

Theo quy định chung của pháp luật về chủ thể tố tụng trong phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự đó là “*HĐXX sơ thẩm gồm một Thẩm phán và hai Hội thẩm. Trong trường hợp vụ án có tính chất nghiêm trọng, phức tạp, thì HĐXX có thể gồm hai Thẩm phán và ba Hội thẩm*” (Điều 185 BLTTHS 2003). Phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi đòi hỏi thêm hai điều kiện nữa về chủ thể được quy định tại khoản 1 Điều 302 BLTTHS 2003 và khoản 1 Điều 307 BLTTHS 2003

Khoản 1 Điều 302 BLTTHS 2003 quy định: “*Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán tiến hành tố tụng đối với NCTN phạm tội phải là người có những hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm của NCTN*”. Xuất phát từ đặc điểm thể chất và tinh thần chưa phát triển toàn diện của người dưới 18 tuổi và vai trò quan trọng của Thẩm phán trong việc xét xử, nên việc xét xử đối với bị cáo dưới 18 tuổi pháp luật TTHS quy định Thẩm phán phải là người ngoài có chuyên môn nghiệp vụ, phải có sự hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục và hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm của người dưới 18 tuổi.

Khoản 1 Điều 307 BLTTHS 2003 quy định: “*Thành phần HĐXX phải có một Hội thẩm là giáo viên hoặc là cán bộ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh*”. Theo quy định này cho thấy thành phần HĐXX sơ thẩm vụ án hình sự đối với bị cáo dưới 18 tuổi bắt buộc phải có một Hội thẩm là giáo viên hoặc là cán bộ Đoàn

thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. HĐXX sơ thẩm trong phiên tòa thông thường không bắt buộc HTND phải hoạt động riêng trong bất cứ ngành nghề nào. Nhưng thành phần HĐXX sơ thẩm bị cáo dưới 18 tuổi đặc biệt khác với thành phần HĐXX sơ thẩm thông thường, là ngoài việc tuân thủ quy định chung về số lượng thành viên trong HĐXX sơ thẩm gồm một Thẩm phán và hai Hội thẩm, mà về chủ thể, bắt buộc Thẩm phán phải là người có những hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục và một trong hai Hội thẩm có khả năng chuyên môn, có thể hiểu biết tâm lý người phạm tội dưới 18 tuổi tham gia xét xử đó là giáo viên hoặc cán bộ đoàn.

Thẩm phán là người giữ vị trí, vai trò quan trọng nhất trong thành phần HĐXX sơ thẩm, là chủ tọa phiên tòa điều khiển xuyên suốt hoạt động tố tụng tại phiên tòa từ khi khai mạc cho đến khi kết thúc phiên tòa, nên Thẩm phán có ảnh hưởng rất lớn đến bị cáo là người dưới 18 tuổi trong cách xét hỏi, phong cách trước tòa... Do đó, việc phân công Thẩm phán nào làm chủ tọa phiên tòa để tham gia HĐXX đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi đã được pháp luật TTHS quan tâm thể hiện ở Điều 302 BLTTHS 2003. Tuy nhiên, quy định này còn chung chung, chưa thể hiện rõ như thế nào là “hiểu biết cần thiết” về tâm lý học và khoa học giáo dục. Thực tế không chỉ ở TAND Quận 7 mà tất cả các tòa án cấp quận huyện, không có sự phân chia rõ ràng các Tòa chuyên trách, Thẩm phán có trách nhiệm giải quyết tất cả các vụ án do lãnh đạo phân công, không có Thẩm phán chuyên xét xử các vụ án hình sự có bị cáo dưới 18 tuổi. Ngoài ra, đa số Thẩm phán ở nước ta chỉ được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, mà chưa quan tâm đào tạo về tâm lý trẻ vị thành niên. Trong chương trình đào tạo Thẩm phán, chưa có chương trình đào tạo Thẩm phán chuyên trách xét xử bị cáo dưới 18 tuổi mà chỉ đào tạo Thẩm phán chung. Theo thống kê của cuộc khảo sát bằng phương pháp phát phiếu thăm dò ý kiến do học viên thực hiện khi thực hiện luận văn này thì hiện nay TAND Quận 7 có 17 Thẩm phán có trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ cử nhân luật (11), đến thạc sĩ luật (05), tiến sĩ luật (01), nhưng không có ai được đào tạo chuyên sâu, có kiến thức, được cấp chứng chỉ công nhận là Thẩm phán có hiểu biết về khoa học giáo dục và tâm lý học đối với người phạm tội dưới 18 tuổi. Ở TAND Quận 7 không có Thẩm phán chuyên trách xét xử vụ án hình sự có bị cáo dưới 18 tuổi, nên việc Chánh án phân công

Thẩm phán xét xử các vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi chủ yếu quan tâm đến tính chất phức tạp của vụ án và kinh nghiệm xét xử của Thẩm phán. Tất cả các vụ án hình sự sơ thẩm có bị cáo là người dưới 18 tuổi do Thẩm phán xét xử chung vừa xét xử hình sự, xét xử dân sự và xét xử các loại án khác.

Hội thẩm trong HĐXX vụ án hình sự có bị cáo dưới 18 tuổi là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên cũng chưa quy định cụ thể, nên trong thực tiễn xét xử Tòa án cấp sơ thẩm chỉ quan tâm chủ yếu tại thời điểm được bầu làm Hội thẩm họ là giáo viên hoặc cán bộ đoàn, nên có trường hợp HTND còn rất trẻ, kinh nghiệm xét xử không có, không hiểu được tâm lý của bị cáo dưới 18 tuổi, hạn chế trong việc vận dụng pháp luật, cũng như chính sách hình sự của Nhà nước trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm để bảo vệ quyền lợi cho người phạm tội dưới 18 tuổi nói riêng và quyền trẻ em nói chung khi tham gia xét xử. Một thực tế nữa là Hội thẩm đa phần là người kiêm nhiệm các chức vụ khác trong các cơ quan Nhà nước, họ không có thời gian quan tâm đến việc xét xử của Tòa án, nên tham gia xét xử không nghiên cứu trước hồ sơ vụ án, dẫn đến tình trạng ra trước phiên tòa Thẩm phán luôn là người hỏi chính, Hội thẩm không tham gia xét hỏi, nếu có thì cũng không có chất lượng, đến khi nghị án để đưa ra hình phạt cụ thể cho bị cáo dưới 18 tuổi, Hội thẩm phụ thuộc vào ý kiến của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, không thể hiện được nguyên tắc “*Khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*” (Điều 16 BLTTHS 2003).

Qua thực tiễn xét xử tại TAND Quận 7 từ trước đến nay, nhận thấy việc yêu cầu Thẩm phán và Hội thẩm phải có sự hiểu biết nhất định về tâm lý học và khoa học giáo dục còn mang tính tượng trưng. Mặc dù khi tham gia trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi, về thành phần HĐXX phải có một Hội thẩm là giáo viên hoặc là cán bộ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 307 BLTTHS 2003 luôn đảm bảo 100% các vụ án hình sự sơ thẩm mà có bị cáo là người dưới 18 tuổi trong thành phần HĐXX có một Hội thẩm là giáo viên hoặc là cán bộ Đoàn thanh niên. Nhưng Thẩm phán xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 chỉ đảm bảo về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, còn yêu cầu về hiểu biết khoa học giáo dục và tâm lý học

đối với người phạm tội dưới 18 tuổi qua thống kê chưa có ai được đào tạo chuyên sâu, có kiến thức đáp ứng yêu cầu đặt ra, hay được cấp chứng chỉ nhất định công nhận có hiểu biết về khoa học giáo dục và tâm lý học đối với người phạm tội dưới 18 tuổi. Đối với HTND qua tham khảo hồ sơ nhân sự giới thiệu và bầu HTND tham gia xét xử và danh sách HTND tại TAND Quận 7 của 03 nhiệm kỳ, học viên đã thống kê về số lượng HTND là giáo viên hoặc là cán bộ Đoàn thanh niên, người kiêm nhiệm, độ tuổi và được chứng nhận hoặc cấp chứng chỉ công nhận có trình độ hiểu biết về khoa học giáo dục và tâm lý học đối với người phạm tội dưới 18 tuổi cho thấy: HTND đa phần là người kiêm nhiệm các chức vụ khác trong các cơ quan Nhà nước (Nhiệm kỳ III có 41/43 HTND là người kiêm nhiệm, Nhiệm kỳ IV có 28/33, Nhiệm kỳ V có 29/34), đặc biệt HTND là giáo viên hoặc cán bộ đoàn thanh niên luôn là người kiêm nhiệm (Nhiệm kỳ III có 6/43, Nhiệm kỳ IV có 5/33, Nhiệm kỳ V có 7/34 HTND là giáo viên hoặc là cán bộ Đoàn thanh niên) và có độ tuổi trẻ nhất trong đội ngũ HTND khi tham gia xét xử từ 25 đến 36 tuổi, vì vậy vẫn luôn tồn tại tình trạng HTND không nghiên cứu hồ sơ trước khi ra phiên tòa, thiếu kiến thức chuyên môn về pháp luật, cũng như kinh nghiệm trong vận dụng pháp luật khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi (Bảng số 2.1).

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa

Giống như Thẩm phán và HTND, Kiểm sát viên cũng là chủ thể tiến hành tố tụng trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi được quy tại khoản 1 Điều 302 BLTTHS 2003. Ngoài yêu cầu có trình độ chuyên môn nghiệp vụ để thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử thì Kiểm sát viên cũng phải là người có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm người dưới 18 tuổi.

Khi thực hành quyền công tố kiểm sát xét xử, ngoài những thao tác nghiệp vụ như thực hiện đối với vụ án thông thường khác, thì yêu cầu Kiểm sát viên tiến hành tố tụng đối với bị cáo dưới 18 tuổi phải chú ý kiểm sát việc chấp hành các thủ tục tố tụng của Tòa án, như kiểm sát về thành phần HĐXX và những người tham gia tố tụng, quyền bào chữa, bảo đảm quyền đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu và quyền đề nghị thay đổi những người tiến hành tố tụng, quyền tham gia tranh luận... Khi thực

hiện luận tội, Kiểm sát viên viện dẫn tài liệu, chứng cứ chứng minh làm rõ hành vi phạm tội, nguyên nhân và hậu quả của tội phạm, xác định trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo dưới 18 tuổi. Đề xuất đường lối xử lý và mức hình phạt đúng pháp luật, đúng tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, thực hiện kiểm sát bản án của Tòa án đảm bảo việc quyết định hình phạt đối với bị cáo dưới 18 tuổi không được trái với các quy định của pháp luật về đường lối xử lý người phạm tội dưới 18 tuổi.

Trong công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự tại phiên tòa sơ thẩm của Kiểm sát viên góp phần hiệu quả trong đấu tranh phòng chống tội phạm và nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa. Tuy nhiên, thực tế thì công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa các vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi của kiểm sát viên tại Quận 7 còn bộc lộ những tồn tại, hạn chế nhất định do Kiểm sát viên không có kiến thức hiểu biết nhất định về tâm lý học và khoa học giáo dục. Kiểm sát viên cũng chỉ được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ mà chưa có chương trình đào tạo Kiểm sát viên chuyên trách tham gia xét xử bị cáo dưới 18 tuổi. Cũng giống như Thẩm phán, việc phân công Kiểm sát viên tham gia xét xử đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi chủ yếu quan tâm đến tính chất phức tạp của vụ án và kinh nghiệm chuyên môn của Kiểm sát viên, kiến thức hiểu biết nhất định về tâm lý học và khoa học giáo dục nếu có được do tự nghiên cứu, tìm hiểu. Từ đó, quy định về yêu cầu Kiểm sát viên phải có sự hiểu biết nhất định về tâm lý học và khoa học giáo dục cũng chỉ mang tính tượng trưng. Bên cạnh còn có tình trạng trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp của một số Kiểm sát viên còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đặt ra khi thực hiện nhiệm vụ như: nghiên cứu hồ sơ vụ án không kỹ, nắm bắt chứng cứ vụ án không đầy đủ, không chủ động tham gia xét hỏi. Qua tham khảo 10 biên bản phiên tòa xét xử người phạm tội dưới 18 tuổi thì chỉ có 05 phiên tòa có Kiểm sát viên tham gia xét hỏi, còn lại thông thường Kiểm sát viên không tham gia hỏi và phát biểu “xét thấy nội dung vụ án đã rõ nên không hỏi gì thêm”, tham gia phiên tòa Kiểm sát viên chưa dự kiến được hết những tình huống phát sinh tại phiên tòa, dự thảo luận tội còn sơ xài, ngại tranh luận với luật sư, thái độ thiếu bình tĩnh,

tự tin khi xử lý các tình huống phát sinh tại phiên tòa, thường quá chú trọng chức năng thực hành quyền công tố, bảo vệ cáo trạng và quan điểm truy tố, mà xem nhẹ chức năng kiểm sát xét xử, dẫn tới không phát hiện ra vi phạm, thiếu sót trong thủ tục tố tụng tại phiên tòa, để kịp thời yêu cầu khắc phục, đề xuất, kiến nghị, kháng nghị, từ đó Kiểm sát viên chưa làm tốt chức năng, nhiệm vụ kiểm sát tại phiên tòa, việc tranh tụng tại phiên tòa mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao.

Thư ký phiên tòa

Theo quy định của pháp luật tố tụng, trong hệ thống các chức danh tư pháp của các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan điều tra và thi hành án, chỉ có Tòa án mới có chức danh Thư ký với tư cách là một trong các chủ thể tiến hành tố tụng độc lập. Xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ và chức năng đặc thù của Tòa án, sự tham gia của Thư ký phiên tòa vào quá trình giải quyết các vụ án là một trong các yếu tố, điều kiện không thể thiếu được trong hoạt động xét xử của Tòa án. Ở nước ta, Thư ký Tòa án chưa được xác định là một nghề như nhiều nước trên thế giới, mà Thư ký là một chức danh tiến hành tố tụng trong hoạt động tư pháp, một loại công chức nhà nước, là nguồn đào tạo bổ nhiệm Thẩm tra viên, Thẩm phán.

Thư ký Tòa án khác với Thư ký phiên tòa. Thư ký phiên tòa là người tiến hành tố tụng, được Chánh án phân công làm thư ký đối với từng vụ án cụ thể có nhiệm vụ là: Phổ biến nội quy phiên tòa; báo cáo với HĐXX danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa; ghi biên bản phiên tòa; tiến hành các hoạt động tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Tòa án theo sự phân công của Chánh án Tòa án (Điều 41 BLTTHS năm 2003). Thư ký phiên tòa có thể là Thư ký Tòa án hoặc chuyên viên hoặc Thẩm tra viên của Tòa án được Chánh án hoặc người được Chánh án ủy quyền phân công làm nhiệm vụ thư ký trong từng phiên tòa cụ thể. Còn Thư ký Tòa án là một chức danh công chức của Tòa án.

Từ trước đến nay Thư ký Tòa án chưa được đào tạo nghề theo một chương trình chính quy và cơ bản như các loại công chức nhà nước khác. Thư ký Tòa án tự học nghề chủ yếu thông qua thực tiễn công tác hàng ngày và kinh nghiệm của những người đi trước. Trường cán bộ tòa án có tổ chức được một số lớp tập huấn nghiệp vụ Thư ký Tòa án ngắn hạn (từ 5 ngày đến 4 tuần) cho Thư ký Tòa án mới

được tuyển dụng. Tuy nhiên nội dung và chương trình học của các lớp này chưa mang tính đào tạo, dạy nghề mà mới dừng lại ở mức độ phổ biến, truyền đạt lại kinh nghiệm thực tiễn công tác. Cho nên về mặt thực tiễn xét xử tại TAND quận 7 cho thấy, việc tiến hành tố tụng tại phiên tòa xét xử hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội Thư ký phiên tòa chưa thực sự đảm bảo được vai trò của một chủ thể tiến hành tố tụng độc lập trong hoạt động xét xử của Tòa án, có rất nhiều vấn đề bất cập như là Thư ký Tòa án mới tuyển dụng còn nhiều hạn chế nhất là khi ghi biên bản phiên tòa, thiếu kinh nghiệm, có nhiều sai sót khi tiến hành tố tụng tại phiên tòa nên ít nhiều ảnh hưởng không tốt đến chất lượng xét xử.

2.1.2 Người tham gia tố tụng trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình mà bị cáo là người dưới 18 tuổi từ thực tiễn Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị cáo

Bị cáo là người đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử (khoản 1 Điều 50 BLTTHS 2003). Trong số những người tham gia tố tụng tại phiên tòa thì bị cáo là người giữ vai trò trung tâm. Đó là người có hành vi phạm tội mà sau khi phiên tòa sơ thẩm kết thúc sẽ được xác định có phạm tội hay không, nếu phạm tội thì phạm tội gì, mức hình phạt bao nhiêu, trách nhiệm bồi thường thiệt hại thế nào.

Bị cáo tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án; nếu bị cáo vắng mặt không có lý do chính đáng thì sẽ bị áp giải theo thủ tục pháp luật quy định; nếu bị cáo vắng mặt tại phiên tòa có lý do chính đáng thì phải hoãn phiên tòa. Tòa án có thể xử vắng mặt bị cáo trong các trường hợp: bị cáo trốn tránh và việc truy nã không có kết quả; bị cáo đang ở nước ngoài nên không thể triệu tập đến phiên tòa và nếu sự vắng mặt của bị cáo không trở ngại cho việc xét xử, đồng thời họ đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa, các quyền của bị cáo phải được Tòa án đảm bảo thực hiện đầy đủ như: được giao nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn; quyết định đình chỉ vụ án; bản án, quyết định của Tòa án; các quyết định khác theo quy định của BLTTHS; được tham gia phiên tòa; được giải thích về quyền và nghĩa vụ; được đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch; được đưa ra tài liệu, đồ vật và những yêu cầu;

được tự bào chữa và nhờ người khác bào chữa; được trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa; được nói lời sau cùng trước khi HĐXX nghị án; được kháng cáo bản án và quyết định của Tòa án; được khiếu nại quyết định, hành vi của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Thực trạng hiện nay vẫn còn có quan điểm, nhận thức chưa đúng từ phía những người tiến hành tố tụng về nguyên tắc suy đoán vô tội trong TTTHS là “*Không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật*” (Điều 9 BLTTHS 2003) nên một số quyền của bị cáo tại phiên tòa bị vi phạm từ thái độ của của những người tiến hành tố tụng, những người tham tố tụng khác và cả những người tham dự phiên tòa như là trước phiên tòa bị cáo bị đối xử như người đã có tội. Thay đổi quan niệm này, cần có thời gian và phải có nhiều biện pháp, không chỉ đối với quy định của pháp luật mà còn phải nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân.

Bị cáo trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là dưới 18 tuổi là người dưới 18 tuổi đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó được quy định trong BLHS và đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử. Bị cáo trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi, ngoài việc được đảm bảo đầy đủ trình tự thủ tục tiến hành xét xử tại phiên tòa như bị cáo đủ 18 tuổi như phân tích ở trên, thì cần phải xác định tuổi của bị cáo tại thời điểm xét xử là dưới 18 tuổi hay không, để đảm bảo việc tham gia tố tụng của các chủ thể khác tại phiên tòa như đại diện gia đình bị cáo, nhà trường, tổ chức đoàn thể, người bào chữa. Qua thực tiễn xét xử tại TAND Quận 7 chúng tôi nhận thấy xác định tuổi của bị cáo tại thời điểm xét xử là người dưới 18 tuổi luôn đảm bảo chính xác 100% trong các vụ án xét xử hình sự sơ thẩm đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Sự tham gia của đại diện gia đình bị cáo, nhà trường, tổ chức

Tại phiên tòa xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi phải có mặt đại diện của gia đình bị cáo, nhà trường, tổ chức xã hội (khoản 3 Điều 306 BLTTHS 2003), đây là quy định bắt buộc thể hiện đặc điểm riêng biệt trong phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm đối với bị cáo dưới 18 tuổi. Thông thường khi xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự chúng ta nhận thấy sự có mặt của gia đình của bị cáo, sự có mặt này hoàn toàn không bắt buộc. Tuy nhiên, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo

là người dưới 18 tuổi, việc có mặt của đại diện gia đình bị cáo; đại diện nhà trường, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tổ chức khác nơi bị cáo học tập, lao động và sinh sống là bắt buộc. Quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta là xử lý TNHS người phạm tội dưới 18 tuổi chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm. Do đó, việc xét xử sơ thẩm hình sự đối với bị cáo dưới 18 tuổi phải được tiến hành thận trọng nhằm hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực đến tương lai của bị cáo dưới 18 tuổi, nên việc tham gia của đại diện gia đình bị cáo, nhà trường, tổ chức xã hội là quyền đồng thời là nghĩa vụ khi có yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng. Tham gia phiên tòa đại diện gia đình bị cáo, nhà trường, tổ chức xã hội có quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu và đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng; phát biểu ý kiến, tranh luận; khiếu nại các hành vi tố tụng của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và các quyết định của Tòa án.

Thực tiễn xét xử những vụ án có bị cáo dưới 18 tuổi trên địa bàn Quận 7, nhìn chung là không có nhiều khó khăn vì tính chất phức tạp của vụ án thường không cao và đã có quy định tương đối chi tiết trong luật về thủ tục riêng áp dụng đối với người phạm tội dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, cũng có những vướng mắc nhất định khi xét xử bị cáo dưới 18 tuổi về cách hiểu và vận dụng khác nhau về đại diện gia đình của bị cáo vì hiện chưa có văn bản hướng dẫn. Thông thường khi xét xử vụ án hình sự có bị cáo dưới 18 tuổi thì TAND Quận 7 căn cứ theo quy định tại Điều 141 BLDS 2005 và theo quy định tại chương XXXII thủ tục tố tụng đối với NCTN của BLTTHS 2003 xác định “đại diện gia đình” là đại diện theo pháp luật của người dưới 18 tuổi bao gồm cha mẹ của người đó và người giám hộ của người dưới 18 tuổi. Ngoài ra, tại Báo cáo tổng kết ngành năm 2008, Tòa hình sự Tòa án nhân dân tối cao có quan điểm về vấn đề này như sau: *“Trước hết cần khẳng định người đại diện hợp pháp của bị cáo là người đại diện đương nhiên chứ không phải là người đại diện theo ủy quyền. Nếu bị cáo còn bố mẹ, thì bố mẹ là người đại diện hợp pháp của bị cáo; nếu bị cáo không còn bố mẹ, thì Tòa án có thể xác định những người thân của bị cáo như: ông, bà, cô, dì, chú, bác, anh chị ruột của bị cáo là người đại diện hợp pháp của bị cáo. Nếu bị cáo không còn người thân thích thì đại diện nhà trường, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh hoặc tổ chức khác tham gia phiên*

tòa với tư cách là người đại diện hợp pháp của bị cáo”. Đây chỉ là quan điểm của Tòa hình sự trong báo cáo tổng kết ngành, chứ không phải là quan điểm của Tòa án nhân dân tối cao trong văn bản quy phạm pháp luật, nhưng thực tiễn xét xử TAND Quận 7 chấp nhận người "đại diện gia đình" theo quy định trong Điều 306 BLTTHS 2003 được hiểu rộng hơn là không chỉ là cha, mẹ hoặc người giám hộ của bị cáo dưới 18 tuổi mà bao gồm cả anh, chị, cô dì, chú bác, ông bà hoặc những người thân thích khác của bị cáo dưới 18 tuổi.

Xét xử bị cáo dưới 18 tuổi phải có đại diện gia đình bị cáo, là vấn đề vô cùng vướng mắc trong trường hợp không xác định được lý lịch của bị cáo nên. Tại mục 16 phần II Công văn 81/2002/TANDTC ngày 10-6-2002 của TANDTC có hướng dẫn: *“Đối với trường hợp không xác minh được lý lịch của bị cáo thì tại phiên tòa xét xử không nhất thiết phải có mặt đại diện của gia đình bị cáo, đại diện nhà trường hoặc tổ chức xã hội”*. Công văn trên chỉ hướng dẫn trong trường hợp không xác định được lý lịch của bị cáo, còn trong trường hợp xác định được lý lịch của bị cáo, nhưng gia đình bị cáo ở quá xa, không thể tổng đạt được giấy triệu tập, thì phải giải quyết như thế nào. Có những vụ án Cơ quan điều tra không triệu tập được bất cứ người đại diện gia đình nào vì họ ở quá xa. Hồ sơ chuyển sang Tòa án, Tòa cũng không triệu tập được. Trong những trường hợp này, Tòa án thường chỉ gửi giấy triệu tập bảo đảm thông qua bưu điện, đến ngày xử thì không có mặt đại diện gia đình, nên phải hoãn phiên tòa, có nhiều vụ án phải hoãn nhiều lần mới xét xử được. Vì vậy, Tòa án thường vận dụng linh hoạt bằng cách yêu cầu Đoàn thanh niên cử người tham gia tố tụng để đại diện cho gia đình bị cáo và Tòa án tiến hành xét xử luôn. Nhưng việc Đoàn thanh niên tham gia như trên là không đúng với quy định của BLTTHS, vì Đoàn thanh niên chỉ tham gia khi không có đại diện của gia đình bị cáo, chứ không phải vì do đại diện gia đình của bị cáo là có, nhưng không thể triệu tập được. Thực tế những vấn đề trên áp dụng như thế nào là tùy vào quan điểm của từng Thẩm phán, điều này dẫn đến sự tùy tiện trong áp dụng pháp luật.

2.1.3 Bào chữa trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi từ thực tiễn Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Tham gia bào chữa trong TTTHS đối với bị cáo dưới 18 tuổi từ thực tiễn tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Trong những vụ án hình sự mà bị cáo dưới 18 tuổi thì việc tham gia tố tụng của người bào chữa là bắt buộc. Trong trường hợp bị can, bị cáo là NCTN hoặc người đại diện hợp pháp của họ không mời người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Toà án phải yêu cầu Đoàn luật sư phân công Văn phòng luật sư cử người bào chữa cho họ hoặc đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của Mặt trận cử người bào chữa cho thành viên của tổ chức mình (điểm b khoản Điều 57 BLTTHS 2003).

Hoạt động bào chữa bắt buộc được luật định xuất phát từ đặc thù của người phạm tội dưới 18 tuổi có đặc điểm tâm sinh lý, trình độ và khả năng nhận thức phát triển chưa toàn diện và quy định này xuất phát từ việc đảm bảo nguyên tắc về quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong TTTHS nhằm bảo vệ tốt nhất quyền lợi của người phạm tội nói chung. Riêng bị cáo dưới 18 tuổi bản thân họ khi đứng trước phiên tòa không có điều kiện cũng như khả năng bảo vệ lợi ích của mình một cách đầy đủ, nên Nhà nước “hỗ trợ” họ bằng cách quy định bắt buộc có sự tham gia của người bào chữa theo hình thức lựa chọn người bào chữa hoặc chỉ định người bào chữa. Ở giai đoạn xét xử mà cụ thể là tại phiên tòa, bị cáo được quyền sử dụng tất cả những biện pháp gì mà pháp luật không cấm để chống lại, bác bỏ, phủ nhận lời buộc tội của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc để giảm nhẹ TNHS của mình trong vụ án. Bị cáo có thể trực tiếp mời hoặc do người đại diện hợp pháp của bị cáo mời người bào chữa (khoản 1 Điều 57 BLTTHS năm 2003). Tuy nhiên, trong vụ án xét xử bị cáo dưới 18 tuổi luật quy định sự tham gia của người bào chữa vào trong vụ án là bắt buộc không phụ thuộc vào ý chí của bị cáo theo hai hình thức đó là lựa chọn người bào chữa hoặc chỉ định người bào chữa: “*Trong trường hợp bị can, bị cáo là NCTN hoặc người đại diện hợp pháp của họ không lựa chọn được người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Toà án phải yêu cầu Đoàn luật sư phân công Văn phòng luật sư cử người bào chữa cho họ hoặc đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của Mặt trận cử người bào chữa cho thành viên của tổ chức mình*” (khoản 2 Điều 305 BLTTHS 2003).

Theo quy định này, ta có thể hiểu lựa chọn người bào chữa hoặc chỉ định người bào chữa là sự tham gia bào chữa cho bị cáo dưới 18 tuổi trong vụ án hình sự là bắt buộc, mọi trường hợp xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự có người phạm tội dưới 18 tuổi không có người bào chữa tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dẫn đến hậu quả bản án hình sự sơ thẩm bị hủy. Và người bào chữa theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của BLTTHS bao gồm luật sư, người đại diện hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc bào chữa viên nhân dân. Việc tham gia tố tụng của người bào chữa có thể theo yêu cầu của người phạm tội dưới 18 tuổi, người đại diện hợp pháp của họ hoặc theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng. Trong trường hợp người bào chữa tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng thì bị cáo dưới 18 tuổi và người đại diện hợp pháp của họ vẫn có quyền yêu cầu thay đổi hoặc từ chối người bào chữa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 của BLTTHS 2003.

Khoản 1 Điều 58 BLTTHS 2003 quy định: Người bào chữa tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can và được cấp giấy chứng nhận người bào chữa, trong trường hợp khác (Điều 81 và Điều 82 BLTTHS 2003) thì người bào chữa tham gia tố tụng từ khi có quyết định tạm giữ. Trường hợp cần giữ bí mật điều tra đối với tội xâm phạm an ninh quốc gia, thì Viện trưởng Viện kiểm sát quyết định để người bào chữa tham gia tố tụng từ khi kết thúc điều tra. Tham gia phiên tòa để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo dưới 18 tuổi vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của người bào chữa, Tòa án phải giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cho người bào chữa chậm nhất là mười ngày trước ngày mở phiên tòa (khoản 1 Điều 182 BLTTHS 2003).

Khi thực hiện luận văn này học viên đã tham khảo qua 10 biên bản phiên tòa và 10 bản án trong hồ sơ xét xử vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi thì thấy rằng: hoạt động bào chữa của Luật sư khi tham gia xét xử rất hạn chế như trong biên bản phiên tòa phần lớn luật sư không tham gia xét hỏi, phát biểu tranh luận theo bài phát biểu đã chuẩn bị trước, rất ít phiên tòa Luật sư tranh luận với Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác, trong tổng số 10 phiên tòa đã khảo sát thì có 02 phiên tòa có luật sư tham gia xét hỏi, tranh luận đối đáp với Kiểm sát viên. Nguyên

nhân của thực trạng trên là do có những cản trở làm hạn chế vai trò của Luật sư hay người bào chữa trong việc tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp người phạm tội dưới 18 tuổi từ nhiều phía: từ các cơ quan tiến hành tố tụng; từ chính Luật sư, người bào chữa; từ phía người phạm tội dưới 18 tuổi và đại diện gia đình họ.

Về các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Khi người bào chữa tham gia tố tụng họ không được tạo điều kiện hành nghề. Các cơ quan tiến hành tố tụng không có danh sách Luật sư đang hành nghề trên cùng địa bàn để có thể đưa ra cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc đại diện hợp pháp của họ có thể lựa chọn, yêu cầu hoặc thực hiện quyền thay đổi. Một khó khăn khác thường gặp trong thực tế là sự phiền hà phải nhiều lần làm thủ tục cấp giấy chứng nhận bào chữa, mặc dù ở giai đoạn khởi tố điều tra đã được cấp giấy chứng nhận bào chữa, nhưng ở giai đoạn xét xử, để tham gia phiên tòa thì phải làm lại thủ tục để Tòa án cấp giấy chứng nhận người bào chữa, làm mất nhiều thời gian và gây phiền hà về thủ tục không cần thiết. Việc gây khó khăn trong thủ tục cấp giấy chứng nhận bào chữa của cơ quan tiến hành tố tụng như khi người bào chữa muốn gặp riêng người phạm tội dưới 18 tuổi nơi giam giữ, thủ tục hành chính rất phiền hà như phải có giấy giới thiệu, giấy phép của Cơ quan điều tra, nên nhiều luật sư rất ngại do đó không gặp được bị can. Cảnh đó, trong nhiều trường hợp, do các Điều tra viên không muốn có Luật sư nên tác động với người phạm tội dưới 18 tuổi tự nguyện viết giấy từ chối Luật sư bào chữa. Ngoài ra, điểm g khoản 2 Điều 58 BLTTHS quy định, người bào chữa có quyền đọc, ghi chép và sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa sau khi kết thúc điều tra theo quy định của pháp luật. Nhưng trong thực tế, ở giai đoạn điều tra thì việc người bào chữa được đọc, ghi chép và sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án là rất khó khăn và chỉ có thể được thực hiện khi hồ sơ vụ án đã được chuyển sang Tòa án có thẩm quyền xét xử. Tại phiên tòa, người bào chữa tham gia xét hỏi, tranh luận với Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác, tuy nhiên khi tham gia phiên tòa, người bào chữa vấp phải những cản trở từ phía người tiến hành tố tụng, đặc biệt là Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các câu hỏi trong phần xét hỏi tại phiên tòa đã số được đặt ra bởi Thẩm phán, Hội thẩm và Kiểm sát viên, các câu hỏi trong phần xét hỏi tại phiên tòa của người bào chữa có thể bị chủ tọa phiên tòa ngắt lời và hạn chế thời gian hỏi khi tiến hành xét hỏi.

Khó khăn xuất phát từ chính các luật sư khi tham gia tố tụng trong vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi: Hiện nay, việc đào tạo nghề cũng như các đợt tập huấn nghiệp vụ, luật sư thường không được đào tạo để có những hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục về tội phạm là người dưới 18 tuổi. Hoặc do kỹ năng hành nghề chưa được đào tạo kỹ lưỡng, thiếu việc rèn luyện, thiếu kinh nghiệm nên có trường hợp thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình qua loa, không tham gia đầy đủ và xuyên suốt quá trình tố tụng, không nghiên cứu hồ sơ, chỉ đọc kết luận điều tra, cáo trạng rồi tham gia phiên tòa hoặc không có mặt tại phiên tòa mà chỉ gửi bài bào chữa, vì vậy mà phiên tòa thiếu đi sự tranh luận dân chủ, công khai, người bào chữa không nắm bắt được diễn biến phiên tòa nên đề xuất trong bài bào chữa không phù hợp, không đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo dưới 18 tuổi.

Đối với luật sư chỉ định, thông thường các cơ quan tiến hành tố tụng tạo điều kiện thuận lợi cho các luật sư tham gia bào chữa, nhưng nhiều luật sư lại chưa có thái độ tích cực khi tham gia tố tụng, miễn cưỡng tham gia cho có lệ. Vẫn còn xảy ra tình trạng do nhận thức việc bào chữa là theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng nên không có thái độ tích cực tham gia phiên tòa, lấy lý do quá bận việc chỉ gửi bài bào chữa chứ không tham dự phiên tòa hoặc có trường hợp có mặt tại phiên tòa nhưng chỉ đơn thuần là thay mặt bị cáo dưới 18 tuổi xin giảm nhẹ hình phạt chứ chưa thực sự bảo vệ quyền lợi cho họ. Hay có trường hợp Luật sư từ chối bào chữa mà không có lý do chính đáng. Nhiều Đoàn luật sư khi nhận được yêu cầu, đề nghị cử người bào chữa chưa có thái độ tích cực hợp tác với các cơ quan tiến hành tố tụng, còn có tình trạng chậm trễ trong việc cử người bào chữa, gây không ít khó khăn cho công tác xét xử vụ án của Tòa án.

Về phía bị cáo dưới 18 tuổi hoặc người đại diện hợp pháp của họ thiếu hiểu biết về quy định pháp luật nên không biết phải lựa chọn, yêu cầu người bào chữa nào hay yêu cầu thay đổi như thế nào, nên thông thường Tòa án phải yêu cầu chỉ định Luật sư bào chữa cho bị cáo dưới 18 tuổi theo khoản 2 Điều 57 BLTTH 2003. Việc Đoàn luật sư phân công Văn phòng Luật sư cử người bào chữa hoặc trực tiếp cử người bào chữa là thủ tục ràng buộc đối với việc hành nghề Luật sư, họ phải phụ thuộc vào sự phân công của Đoàn Luật sư địa phương trong phạm vi địa hạt của Tòa án xét xử vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi, nên cũng có không ít trường

hợp Luật sư có đầy đủ điều kiện theo quy định muốn tham gia phiên tòa bào chữa cho bị cáo nhưng không được vì không được cử, còn Luật sư được cử tham gia bào chữa vì lý do khách quan hay chủ quan thiếu nhiệt tình, tận tâm khi tham gia bào chữa bảo vệ quyền cho bị cáo là người dưới 18 tuổi trước cơ quan pháp luật.

2.2 Trình tự và thủ tục của phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi từ thực tiễn tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Phiên tòa hình sự sơ thẩm đối với bị cáo dưới 18 tuổi cũng phải tuân theo trình tự, thủ tục mà BLTTHS hiện hành đã quy định để tiến hành giải quyết công khai và dứt điểm tất cả mọi vấn đề của một vụ án hình sự. Theo đó, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 gồm có bốn giai đoạn: Thủ tục bắt đầu phiên tòa, Thủ tục xét hỏi, Tranh luận, Nghị án và tuyên án.

2.2.1 Thủ tục bắt đầu phiên tòa

Theo quy định tại Điều 201 đến Điều 205 BLTTHS 2003, phần này giúp cho HĐXX xác định những điều kiện cần và đủ để đảm bảo cho phiên tòa xét xử đúng pháp luật như: đảm bảo sự có mặt cần thiết của những người tham gia tố tụng, giải quyết yêu cầu hoãn phiên tòa, kiểm tra lý lịch của bị cáo, kiểm tra căn cước những người tham dự phiên tòa, giải thích các quyền và nghĩa vụ của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, giải quyết các yêu cầu về việc cung cấp chứng cứ, thay đổi thành viên HĐXX... Bắt đầu phiên tòa là tiền đề cần thiết và bắt buộc cho việc tiến hành các trình tự tố tụng tiếp theo là Xét hỏi tại phiên tòa. Nếu bắt đầu phiên tòa được quy định và được thực hiện đầy đủ, theo đúng trình tự do pháp luật quy định sẽ là điều kiện quan trọng để tiến hành các bước tố tụng tiếp theo của phiên tòa đạt kết quả tốt và ngược lại.

Thủ tục bắt đầu phiên tòa được tiến hành theo trình tự các bước sau đây: Trước khi HĐXX vào phòng xử án, thư ký Tòa án yêu cầu những người đã được Tòa án triệu tập nộp giấy triệu tập, phổ biến nội quy phiên tòa. Khi HĐXX vào phòng xử án, Chủ tọa phiên tòa khai mạc phiên tòa bằng việc đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử và nghe Thư ký báo cáo danh sách những người được triệu tập có mặt hoặc vắng mặt, Chủ tọa phiên tòa hỏi Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng xem có ai đề nghị triệu tập thêm người làm chứng, đưa thêm vật chứng, đề

ngiht hoãn phiên tòa nếu có người vắng mặt hay không, nếu có người yêu cầu thì HĐXX xem xét và quyết định. Chủ tọa phiên tòa giới thiệu những người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch, hỏi những người tham gia tố tụng xem có ai yêu cầu thay đổi những người vừa giới thiệu hay không. Nếu có người tham gia tố tụng nào đó yêu cầu thay đổi thì phải nêu rõ lý do. Người bị yêu cầu thay đổi có thể trình bày ý kiến về yêu cầu thay đổi. HĐXX vào phòng nghị án thảo luận và quyết định chấp nhận hoặc bác yêu cầu thay đổi. Trong trường hợp chấp nhận yêu cầu thay đổi thì phải thay thế thành viên khác ngay bằng thành viên HĐXX dự khuyết, nếu không có thành viên HĐXX dự khuyết thay thế thì phải hoãn phiên tòa.

Chủ tọa phiên tòa kiểm tra căn cước của những người tham gia tố tụng đã được Tòa triệu tập có mặt tại phiên tòa, giải thích quyền và nghĩa vụ của họ tại phiên tòa tương ứng với tư cách tham gia tố tụng của từng chủ thể theo quy định của BLTTHS. Việc kiểm tra căn cước được tiến hành bằng cách hỏi, trả lời. Tùy theo địa vị pháp lý của người tham gia tố tụng mà phạm vi kiểm tra cũng khác nhau, cụ thể:

Đối với bị cáo dưới 18 tuổi phải hỏi thật chi tiết về họ tên (tên gọi khác nếu có); giới tính; ngày, tháng, năm sinh; nơi cư trú (nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi tạm trú); quốc tịch; dân tộc; nghề nghiệp, trình độ văn hóa, hoàn cảnh gia đình (cha, mẹ, vợ, chồng, con); tiền án – tiền sự; ngày bị bắt tạm giam.

Đối với người đại diện hợp pháp của bị cáo phải hỏi họ để họ khai về tên, tuổi, nghề nghiệp, nơi cư trú, mối quan hệ với bị cáo như thế nào.

Đối với người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và đại diện hợp pháp của họ phải hỏi tên, tuổi, nơi cư trú. Đối với nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cơ quan, tổ chức thì phải hỏi người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền khai rõ địa chỉ trụ sở chính của cơ quan, tổ chức, họ tên, chức vụ, địa chỉ của người đại diện theo pháp luật.

Chủ tọa phiên tòa giới thiệu họ tên, nghề nghiệp hoặc chức vụ của người giám định, người phiên dịch (nếu có) và giải thích rõ quyền và nghĩa vụ của họ, những người này phải cam đoan làm tròn nhiệm vụ.

Chủ tọa phiên tòa kiểm tra căn cước, giải thích quyền và nghĩa vụ của người làm chứng. Đối với người làm chứng là người thành niên yêu cầu họ phải cam đoan không khai gian dối. Nếu có nhiều người làm chứng thì Chủ tọa phiên tòa quyết định có hay không để cho người làm chứng nghe lời khai của nhau hoặc tiếp xúc với những người khác hoặc cách ly bị cáo với người làm chứng trước khi hỏi họ về nội dung vụ án.

Đối với bị cáo, Chủ tọa phiên tòa phải hỏi đã được giao nhận bản cáo trạng và quyết định đưa vụ án ra xét xử hay chưa. Nếu đã được nhận thì nhận vào ngày nào. Trường hợp bị cáo chưa được giao nhận bản cáo trạng và quyết định đưa vụ án ra xét xử hoặc đã được nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử dưới 10 ngày thì trước khi mở phiên tòa, phải hỏi bị cáo có đồng ý để Tòa tiến hành xét xử vụ án hay không. Nếu bị cáo đồng ý thì ghi vào trong biên bản phiên tòa và HĐXX tiếp tục xét xử, nếu bị cáo không đồng ý thì phải hoãn phiên tòa để tổng đạt cáo trạng và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị cáo theo đúng quy định của BLTTHS.

Những quy định của BLTTHS năm 2003 về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa cơ bản đã được TAND Quận 7 thực hiện đúng, đầy đủ và nghiêm túc. Nhưng thực tiễn xét xử có một số tồn tại như là: Bộ luật TTHS quy định “khi bắt đầu phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử” (Điều 201) mà không quy định là đọc quyết định trước khi tuyên bố khai mạc phiên tòa hay sau khi phiên tòa đã được tuyên bố khai mạc. Nên thường là Thẩm phán khi bước vào phòng xử án tuyên bố khai mạc phiên tòa rồi mới đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử. Trước khi HĐXX vào phòng xử án, thư ký sẽ bấm chuông sau đó yêu cầu mọi người trong phòng xử án đứng dậy để chào HĐXX. Nhưng có những phiên tòa Kiểm sát viên vào trước, mọi người trong phòng xử án đứng dậy mà HĐXX vẫn chưa vào, có những phiên tòa HĐXX vào rồi vẫn chưa thấy Kiểm sát viên đâu, thư ký phải đi tìm, HĐXX phải đứng đợi một khoảng thời gian đến khi Kiểm sát viên vào rồi mới tuyên bố khai mạc phiên tòa.

Việc kiểm tra căn cước của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa là một quy định vô cùng quan trọng và có ý nghĩa. Qua đó, HĐXX xác định xem có phải đúng bị cáo đã được tòa án quyết định đưa ra

xét xử và được trích xuất ra phiên tòa hay không. Những người tham gia phiên tòa có phải đúng là người đã được tòa án triệu tập. Nhiều trường hợp phiên tòa kết thúc tại phần Bắt đầu phiên tòa do qua phần kiểm tra lý lịch của bị cáo HĐXX đã nghị án thảo luận để trả hồ sơ điều tra bổ sung vì có những sai lệch về ngày, tháng, năm sinh; nơi cư trú, tên cha của bị cáo so bản lý lịch bị can. Nếu Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa chưa làm tốt thủ tục bắt đầu phiên tòa như lúng túng, mất bình tĩnh, thiếu sót thủ tục hay xử lý không tốt yêu cầu thay đổi thành viên HĐXX hoặc xin hoãn phiên tòa... như vậy ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện các giai đoạn tiếp theo của phiên tòa.

2.2.2 Thủ tục xét hỏi tại phiên tòa

Xét hỏi là khâu quan trọng của quá trình xét xử tại phiên tòa. Thủ tục xét hỏi được quy định từ Điều 206 đến Điều 216 BLTTHS năm 2003. “Đây là cuộc điều tra công khai” các chứng cứ tại phiên tòa bằng cách thông qua việc xét hỏi của HĐXX hỏi các bị cáo và những người tham gia tố tụng, xem xét vật chứng, công bố các tài liệu..., cũng như các bên buộc tội và bào chữa hỏi lẫn nhau dưới sự điều khiển, quan sát và đánh giá của HĐXX. Mục đích là để kiểm tra các chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra và những chứng cứ mới thu thập tại phiên tòa nhằm làm sáng tỏ mọi tình tiết của vụ án, trên cơ sở đó, HĐXX xác định có tội phạm xảy ra hay không, bị cáo có thực hiện hành vi phạm tội hay không. Nếu có thì tội đó là tội gì, động cơ, mục đích phạm tội, nguyên nhân và điều kiện phạm tội để có quyết định đúng đắn khi giải quyết vụ án.

Thủ tục xét hỏi được bắt đầu bằng việc Kiểm sát viên đọc bản cáo trạng và trình bày ý kiến bổ sung vào bản cáo trạng nếu có (Điều 206 BLTTHS năm 2003). Việc xét hỏi tại phiên tòa phải tiến hành theo nguyên tắc thứ tự: xét hỏi từng người, Chủ tọa hỏi trước rồi đến các Hội thẩm, sau đó đến Kiểm sát viên; người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự; người giám định được hỏi những vấn đề liên quan đến việc giám định, vật chứng được xem xét giám định. Những người tham gia phiên tòa không có quyền được đặt câu hỏi cho người khác mà chỉ có quyền đề nghị Chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết cần làm sáng tỏ. BLTTHS không

quy định cụ thể phải hỏi ai trước hỏi ai sau. Do vậy, việc xét hỏi ai trước, ai sau và xét hỏi nội dung như thế nào tùy thuộc vào quyết định của HĐXX.

Ngoài việc tuân thủ các quy định của BLTTHS về việc xét hỏi, trong vụ án có người dưới 18 tuổi tham gia tố tụng cần chú ý một số vấn đề sau đây:

Việc đặt câu hỏi đối với người dưới 18 tuổi phải ngắn gọn, rõ ràng, đơn giản và rất từ tốn, không được tỏ thái độ gay gắt, cần thiết thì có thể giải thích câu hỏi cho rõ hơn, nhằm giúp cho bị cáo dưới 18 tuổi hiểu, bình tĩnh trả lời đúng câu hỏi một cách khách quan. Trường hợp bị cáo do quá sợ hãi, không trả lời được câu hỏi hoặc mất bình tĩnh không trình bày được thì có thể động viên, giúp bị cáo trấn tĩnh (cho ngồi xuống, cách ly người lớn...), cũng có thể chuyển sang xét hỏi bị cáo khác, hỏi người bị hại...

Việc hỏi đại diện gia đình, nhà trường, tổ chức là rất cần thiết nhằm xác định nguyên nhân, điều kiện phạm tội, điều kiện sinh sống và giáo dục của người dưới 18 tuổi, động cơ, mục đích, hoàn cảnh phạm tội, có hay không có người thành niên xúi giục, kích động họ trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, từ đó HĐXX có thể định hướng về biện pháp xử lý hình sự đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi. HĐXX cần chú ý xem xét các chứng cứ, các yêu cầu của đại diện gia đình, nhà trường; nếu họ có yêu cầu hỏi bị cáo thì xem xét quyết định và HĐXX nên chấp nhận yêu cầu này của đại diện gia đình, nhà trường.

Việc xét hỏi bị cáo, bị hại, người làm chứng là người dưới 18 tuổi tại phiên tòa phải được tiến hành phù hợp với lứa tuổi, mức độ phát triển của họ. Vụ án có bị hại, người làm chứng dưới 18 tuổi, HĐXX phải hạn chế việc tiếp xúc giữa bị hại, người làm chứng với bị cáo khi bị hại, người làm chứng trình bày lời khai. Chủ tọa phiên tòa có thể yêu cầu người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo hỏi bị hại, người làm chứng.

2.2.3 Tranh luận tại phiên tòa

Theo quy định của Bộ luật TTHS hiện hành thì cơ sở pháp lý của hoạt động tranh luận tại phiên tòa hình sự sơ thẩm được quy định tại chương XXI, trong phần thứ ba xét xử sơ thẩm bao gồm 05 điều luật (từ Điều 217 đến Điều 221), gồm: trình tự khi phát biểu tranh luận (Điều 217); đối đáp (Điều 218); trở lại việc xét hỏi (Điều

219); bị cáo nói lời nói sau cùng (Điều 220); xem xét việc rút quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn (Điều 221).

Mặc dù tranh luận chỉ được quy định trong 05 điều luật, nhưng nó là cơ sở pháp lý đặc biệt, quan trọng làm nền tảng, định hướng cho tất cả các hoạt động diễn ra tại phiên tòa sơ thẩm. Thông qua tranh luận, kết quả xét hỏi được kiểm định tính xác thực, tính hợp pháp của các chứng cứ, các sự kiện cũng như các tình tiết của vụ án. Điều đó bắt buộc HĐXX phải điều khiển phần tranh luận tại phiên tòa dựa trên các cơ sở pháp lý nêu trên. Và tất yếu, nếu hoạt động tranh luận không tuân thủ các quy định về tranh luận tại phiên tòa theo quy định của BLTTHS hiện hành thì phiên Tòa bị coi là “vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng”. Đây là một trong những cơ sở pháp lý để Tòa án cấp trên xem xét hủy bản án và quyết định của Tòa án cấp dưới.

Thủ tục tranh luận được bắt đầu với phần trình bày luận tội của Kiểm sát viên nêu căn cứ pháp luật và quan điểm truy tố. Trong khi luận tội, Kiểm sát viên có những quyền quy định tại khoản 1 Điều 217 của BLTTHS. Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung cáo trạng hoặc kết luận về nội dung nhẹ hơn. Thông thường lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa bao gồm những vấn đề sau: Phân tích và xác định những chứng cứ buộc tội cũng như những chứng cứ gỡ tội đối với bị cáo, nêu những tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm cho bị cáo; đề nghị HĐXX áp dụng điều khoản của BLHS; đề nghị mức hình phạt cần được áp dụng đối với bị cáo.

Theo quy định tại Điều 217 của BLTTHS trình tự phát biểu khi tranh luận tại phiên tòa là bắt buộc và theo thứ tự sau:

Sau khi Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, đến người bào chữa trình bày lời bào chữa, bị cáo trình bày ý kiến bổ sung, sau đó người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc đại diện hợp pháp của họ trình bày ý kiến. Cuối cùng người bảo vệ quyền lợi đương sự trình bày, bổ sung ý kiến của mình. Trong tranh luận, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác có quyền trình bày ý kiến về lời luận tội của Kiểm sát viên và đưa ra đề nghị của mình. Kiểm sát viên phải đưa ra những lập luận của mình đối với từng ý kiến. Người tham gia tranh luận được quyền đáp lại ý kiến của

người khác. Chủ tọa phiên tòa không hạn chế thời gian tranh luận nhưng có quyền cắt những ý kiến đã tranh luận hoặc không có liên quan đến vụ án. Chủ tọa phiên tòa có quyền đề nghị Kiểm sát viên phải đáp lại những ý kiến có liên quan đến vụ án của người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác mà những ý kiến đó chưa được Kiểm sát viên tranh luận. Về mặt pháp lý thì tranh luận bắt buộc phải tuân theo trình tự trên, tuy nhiên còn phụ thuộc vào đặc điểm của từng vụ án mà hoạt động tranh luận tại phiên tòa có thể tiến hành tranh luận theo trình tự phù hợp:

Thứ nhất, đối với vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại thì sau khi đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội, tiếp theo người bị hại hay đại diện hợp pháp của họ trình bày lời buộc tội đối với bị cáo rồi sau đó mới đến người bào chữa trình bày lời bào chữa.

Thứ hai, trong vụ án bị cáo là người phạm tội dưới 18 tuổi, sau lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát người bào chữa trình bày lời bào chữa, đại diện gia đình bị cáo tham gia tranh luận rồi đến bị cáo trình bày ý kiến bổ sung và sau đó những người tham gia tố tụng khác tham gia tranh luận. Theo quy định tại Điều 58 BLTTHS thì đại diện hợp pháp của bị cáo cũng có thể là người bào chữa của họ. Do vậy, nếu đại diện gia đình bị cáo dưới 18 tuổi tham gia phiên tòa và thực hiện việc bào chữa cho bị cáo, bị cáo và đại diện gia đình bị cáo không yêu cầu thì Tòa án không nhất thiết phải yêu cầu Đoàn luật sư phân công văn phòng luật sư cử Luật sư bào chữa cho bị cáo.

Thứ ba, trong vụ án đồng phạm, có nhiều bị cáo và nhiều người bào chữa thì chủ tọa mời người bào chữa cho bị cáo có vai trò chính trình bày trước, sau đó đến người bào chữa cho bị cáo đồng phạm khác theo thứ tự được sắp xếp trong bản cáo trạng của Viện kiểm sát.

Thứ tư, trong vụ án có một số bị cáo cùng thực hiện một hành vi phạm tội thì để cho những người bào chữa cho các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội bào chữa trước, rồi đến người bào chữa cho bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khác.

Trong quá trình tranh luận, nếu có người xuất trình chứng cứ mới thì những người tham gia tranh luận có thể yêu cầu HĐXX trở lại phân xét hỏi tại phiên tòa hoặc qua tranh luận mà HĐXX thấy cần xem xét thêm chứng cứ thì quyết định trở

lại Phần xét hỏi. Khi các bên vẫn giữ nguyên quan điểm tranh luận hoặc nội dung tranh luận không có gì mới thì chủ tọa sẽ tuyên bố kết thúc phần tranh luận và cho bị cáo nói lời sau cùng trước khi HĐXX vào nghị án. Nếu trong lời nói sau cùng, bị cáo trình bày thêm tình tiết mới có ý nghĩa quan trọng đối với vụ án thì HĐXX phải quyết định trở lại việc xét hỏi.

2.2.4 Thủ tục nghị án và tuyên án

Nghị án là việc HĐXX vào phòng nghị án để thảo luận quyết định về vụ án và thông qua bản án được quy định tại Điều 222 BLTTHS 2003. Việc nghị án được tiến hành ngay sau khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa. Chỉ có thành viên HĐXX mới có quyền nghị án. HĐXX tiến hành nghị án trong phòng riêng, không ai được tiếp xúc với HĐXX, không được vào phòng nghị án cũng như có tác động khác lên quá trình nghị án. Khi nghị án, các thành viên của HĐXX phải giải quyết tất cả các vấn đề của vụ án bằng cách biểu quyết theo đa số về từng vấn đề một. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải là người đề xuất các nội dung cần thảo luận và giải thích cho Hội thẩm những vấn đề chuyên môn, căn cứ pháp lý và đường lối xử lý cần được áp dụng trong giải quyết vụ án và biểu quyết sau cùng. Thành viên của HĐXX có ý kiến thiểu số thì có quyền bảo lưu ý kiến của mình bày bằng văn bản và được đưa vào hồ sơ vụ án. Việc bảo lưu ý kiến này trong hồ sơ vụ án có ý nghĩa quan trọng đối với việc xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm của tòa cấp trên.

Trong quá trình thảo luận và nghị án, nếu HĐXX thấy việc xét hỏi chưa đầy đủ, cần xét hỏi thêm, thì HĐXX quyết định trở lại phần xét hỏi và phần tranh luận tại phiên tòa. Khi nghị án, HĐXX chỉ được căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Việc nghị án phải được lập biên bản ghi đầy đủ các nội dung, ý kiến thảo luận và quyết định của HĐXX và phải được các thành viên trong HĐXX ký tên.

Việc nghị án đối với vụ án có bị cáo là người phạm tội dưới 18 tuổi vẫn thực hiện theo quy định tại Điều 222 BLTTHS. Trong quá trình nghị án, HĐXX cần đặc biệt chú ý đến chính sách, nguyên tắc xử lý hình sự đối với người phạm tội dưới 18 tuổi được quy định trong BLHS và BLTTHS.

Bản án hình sự sơ thẩm là văn bản tố tụng được HĐXX thông qua tại phòng

ngiht ỏn sau khi hoạt động xét xử đã trải qua các bước thủ tục bắt đầu phiên tòa, xét hỏi, tranh luận, nghị ỏn. Bản ỏn hình sự sơ thẩm là phán quyết của HĐXX về tất cả những gì thuộc về nội dung vụ ỏn gồm: có sự kiện phạm tội không; nếu có sự kiện phạm tội thì ai là người phạm tội, phạm tội gì; TNHS và trách nhiệm dân sự (nếu có) cần được giải quyết như thế nào. Bản ỏn có giá trị pháp lý làm chấm dứt hoạt động xét xử ở cấp sơ thẩm.

Bản ỏn đối với bị cáo dưới 18 tuổi phải đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 224 BLTTHS 2003 và cần phải nhận định và phân tích sâu sắc hơn, cụ thể hơn về nguyên nhân, điều kiện phạm tội, về điều kiện sống và giáo dục của bị cáo dưới 18 tuổi và trách nhiệm của gia đình, nhà trường cũng như tổ chức xã hội trong việc để cho người đó thực hiện tội phạm. Trong những trường hợp cần thiết, HĐXX cần có những kiến nghị khắc phục các nguyên nhân và điều kiện phạm tội đó.

Sau khi nghị ỏn xong, HĐXX trở lại phòng xử ỏn để tuyên ỏn. Khi HĐXX tuyên ỏn tất cả mọi người trong phòng xử ỏn phải đứng dậy, Chủ tọa phiên tòa đọc bản ỏn. Theo quy định Điều 216 BLTTHS khi tuyên ỏn mọi người trong phòng xử ỏn đứng trong suốt thời gian tuyên ỏn. Tuy nhiên, nếu bản ỏn dài hoặc người tham gia phiên tòa lớn tuổi hoặc lý do khác mà không thể đứng thời gian dài nghe tuyên ỏn, thì Chủ tọa phiên tòa đọc hết phần mở đầu của bản ỏn rồi cho mọi người ngồi xuống, riêng bị cáo phải đứng nghe tuyên ỏn, đến phần quyết định của bản ỏn Chủ tọa yêu cầu mọi người đứng dậy cho đến khi tuyên ỏn xong. Đối với người phạm tội dưới 18 tuổi không biết tiếng Việt, thì ngay sau khi tuyên ỏn người phiên dịch phải đọc lại cho bị cáo nghe toàn bộ bản ỏn sang thứ tiếng mà bị cáo biết. Sau khi đọc xong bản ỏn, chủ tọa phiên tòa có thể giải thích thêm về việc chấp hành ỏn. Thực tiễn xét xử, Chủ tọa phiên tòa luôn luôn giải thích chế định ỏn treo và thời gian thử thách, hình phạt cải tạo không giam giữ, việc dành quyền khởi kiện dân sự cho các đương sự, đối với vụ ỏn có bị cáo bị xử phạt ỏn treo, bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, có yêu bồi thường thiệt hại của đương sự.

2.3 Văn bản tố tụng của phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ ỏn hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi từ thực tiễn xét xử Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

2.3.1 Biên bản phiên tòa

Biên bản phiên tòa là một văn bản tố tụng quan trọng, do thư ký phiên tòa thực hiện, có nội dung ghi nhận mọi diễn biến của phiên tòa xét xử từ khi bắt đầu phiên tòa đến khi kết thúc phiên tòa. Điều 200 BLTTHS năm 2003 quy định: Biên bản phiên tòa phải ghi rõ giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm mở phiên tòa và mọi diễn biến tại phiên tòa từ khi khai mạc phiên tòa cho đến khi kết thúc phiên tòa. Các câu hỏi, câu trả lời, lời trình bày và quyết định tại phiên tòa đều được ghi vào biên bản. Ngay khi kết thúc phiên tòa, chủ tọa phiên tòa phải kiểm tra lại biên bản và cùng với Thư ký Tòa án ký vào biên bản đó. Sau khi chủ tọa phiên tòa và Thư ký Tòa án ký vào biên bản phiên tòa, Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, bị hại, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự hoặc đại diện của những người đó được quyền xem biên bản phiên tòa. Nếu có người yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa, nếu Chủ tọa phiên tòa không chấp nhận yêu cầu sửa đổi, bổ sung đó thì phải nêu rõ lý do và ghi vào biên bản phiên tòa. Khi yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa được Chủ tọa phiên tòa chấp nhận, thì Thư ký Tòa án phải ghi những sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của họ vào biên bản phiên tòa, không được tẩy xóa, sửa chữa trực tiếp vào những vấn đề đã ghi, mà ghi những sửa đổi, bổ sung tiếp vào cuối biên bản phiên tòa và cùng Chủ tọa phiên tòa ký xác nhận.

Biên bản phiên tòa là một văn bản tố tụng rất quan trọng, vì về nguyên tắc, diễn biến của phiên tòa xét xử công khai được phản ánh trung thực, chính xác và đầy đủ vào biên bản phiên tòa bằng việc Thư ký phiên tòa ghi các câu hỏi; trả lời và phát biểu của các bên tại phiên tòa, kể cả việc không trả lời; cũng như trạng thái của người được hỏi cũng được ghi nhận, thể hiện đầy đủ chính xác trong biên bản phiên tòa. Đây là văn bản do chính cơ quan xét xử là Tòa án lập, nên có ý nghĩa chứng cứ rất cao, vì vậy những nội dung được ghi nhận trong Biên bản phiên tòa đòi hỏi Thư ký phiên tòa phải thực hiện đúng chức trách của mình theo quy định pháp luật để đảm bảo về giá trị chứng cứ chứng minh của văn bản tố tụng và đảm bảo được tính minh bạch, khách quan và công khai của phiên tòa xét xử. Trong công tác giám sát kiểm tra công tác xét xử án hình sự hằng năm do Phòng giám đốc kiểm tra Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện đã phát hiện nhiều trường hợp sai sót

trong phiên tòa xét xử thể hiện trong Biên bản phiên tòa dẫn đến kết quả xét xử bị thay đổi, bản án bị hủy, sửa đổi hay giám đốc thẩm ... chính từ những “tình tiết” được thể hiện trong Biên bản phiên tòa. Thực tiễn xét xử tại Quận 7 thì chưa có bản án bị hủy, sửa đổi hay giám đốc thẩm do phát hiện từ những “tình tiết” được thể hiện trong Biên bản phiên tòa và chưa có trường hợp xét xử nào Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, bị hại, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự hoặc đại diện của những người đó có yêu cầu được xem Biên bản phiên tòa, đặc biệt là Luật sư yêu cầu được xem biên bản phiên tòa, mặc dù pháp luật TTHS có quy định sau khi kết thúc phiên tòa những người này được quyền xem Biên bản phiên tòa nhằm đảm bảo quyền lợi cho bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

2.3.2 Bản án

Theo Từ điển Tiếng Việt: Bản án là phán quyết của tòa sau khi xử, được chép ra để thi hành. Về mặt pháp lý thì bản án là văn bản mà Tòa án nhân danh Nhà nước để tuyên xử theo một trình tự tố tụng do luật định về tính hợp pháp hay không hợp pháp của hành vi hoặc quan hệ pháp luật phát sinh từ một vụ án cụ thể. Điều 31 Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật*” và Điều 9 BLHS năm 2003 cũng quy định: “*Không ai có thể bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án*”. Như vậy, theo pháp luật hình sự thì bản án là Văn bản pháp lý quyết định việc người bị đưa ra xét xử (bị cáo) có phạm tội hay không phạm tội, hình phạt cũng như các biện pháp tư pháp khác, được HĐXX thảo luận và thông qua tại phòng nghị án và nhân danh Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuyên đọc công khai trước phiên tòa. Một bản án hợp pháp và có căn cứ là phải phù hợp với các quy định của pháp luật, kết luận của Tòa án phải phù hợp với những sự việc, có tình tiết trong vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa qua các thủ tục theo trình tự bắt đầu phiên tòa, xét hỏi, tranh luận, nghị án. Bản án có thể bị kháng cáo hoặc kháng nghị theo trình tự phúc thẩm hoặc giám đốc thẩm, tái thẩm. Bản án có hiệu lực pháp luật là nếu hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị mà không có sự

kháng cáo hoặc kháng nghị. Bản án đã có hiệu lực pháp luật phải được các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và mọi công dân tôn trọng và thi hành.

Theo quy định tại Điều 224 BLTTHS 2003: Tòa án ra bản án nhân danh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bản án phải thể hiện đủ các nội dung:

Phần thứ 1: ghi rõ thời gian, địa điểm mở phiên tòa; họ tên của HĐXX và thư ký, họ tên kiểm sát viên; họ tên ngày tháng năm sinh, nơi sinh, nơi cư trú, nghề nghiệp, trình độ văn hóa, thành phần gia đình, tiền án, tiền sự của bị cáo chưa thành niên, ngày bị cáo bị tạm giữ tạm giam; họ tên người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo; họ tên, tuổi, nghề nghiệp, nơi cư trú của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện hợp pháp của họ.

Phần thứ 2: Trình bày và đánh giá về việc phạm tội của người dưới 18 tuổi, phân tích những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định không có tội, xác định người dưới 18 tuổi có phạm tội hay không và nếu bị cáo phạm tội thì phạm tội gì, theo điều, khoản nào của BLHS, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ TNHS và cần phải xử lý như thế nào. Theo đó phải nhận định và phân tích sâu sắc hơn, cụ thể hơn về nguyên nhân, điều kiện phạm tội, về điều kiện sống và giáo dục của người dưới 18 tuổi và trách nhiệm của gia đình, nhà trường cũng như tổ chức xã hội trong việc để cho người đó thực hiện tội phạm.

Phần cuối cùng của bản án ghi những quyết định của tòa án và quyền kháng cáo đối với bản án.

Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật: Bản án, hoặc quyết định có tính chất bắt buộc thực hiện đối với cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, hoặc công dân có liên quan. Bản án và quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật gồm: * Những bản án và quyết định sơ thẩm đồng thời là chung thẩm: bản án và quyết định của Tòa Hình sự – Tòa án nhân dân tối cao và Tòa án quân sự Trung ương, có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án và không được kháng cáo hay kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. * Những bản án và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị; * Những bản án và quyết định của Tòa án cấp Phúc thẩm; * Những bản

án và quyết định của Tòa án cấp giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. * Bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài đã được Tòa án Việt Nam công nhận.

Các bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, các đơn vị vũ trang nhân dân và mọi người dân tôn trọng, những người và đơn vị hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành. Bản án hình sự tuyên đúng người, đúng tội, đúng pháp luật không chỉ có ý nghĩa về mặt đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa được thực hiện nghiêm minh mà còn mang tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa tội phạm trong xã hội, đồng thời tạo niềm tin của nhân dân vào công lý. Với ý nghĩa pháp lý nêu trên, bản án hình sự cần phải có nội dung mang tính khoa học pháp lý, văn phong chuẩn xác, thống nhất theo quy định của Bộ luật TTHS. Bản án hình sự sơ thẩm xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi là nơi để nhìn nhận và đánh giá đường lối, chính sách, quan điểm của nhà nước trong việc xử lý người phạm tội dưới 18 tuổi có thể hiện được tính nhân đạo hay không. Thực tiễn xét xử tại TAND Quận 7, nhìn chung đa phần các bản án đã đáp ứng được cả về nội dung và hình thức của một bản án hình sự như sau:

Về nội dung: Bản án giải quyết đầy đủ, toàn diện các vấn đề của vụ án trên cơ sở của Luật nội dung và Luật tố tụng. Các quyết định của bản án khi viện dẫn đa phần đều chính xác điểm, khoản, Điều của Bộ luật hình sự và Bộ luật TTHS.

Về mặt hình thức: Văn phong trong các bản án trong sáng, rõ ràng, đúng chính tả, đồng thời thể hiện được không gian, thời gian, địa điểm xét xử, tên Tòa án xét xử, thành phần HĐXX và những người tiến hành tố tụng khác như Kiểm sát viên, thư ký phiên tòa cùng những người tham gia tố tụng. Việc phân tích, đánh giá trong các phần của bản án đảm bảo tính thống nhất, không mâu thuẫn, có kết cấu chặt chẽ.

Bên cạnh đó, phần phân tích, chứng minh, kết luận của bản án tuân thủ đúng yêu cầu phải dựa trên các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. HĐXX không áp đặt ý kiến chủ quan hoặc sử dụng những chứng cứ chưa được thẩm tra tại phiên tòa; Các kết luận của bản án đa phần phù hợp với sự thật khách quan của vụ án. Các bản án đã xác định đúng sự việc phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS..., từ đó áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự. Khi kết luận bị cáo phạm tội, HĐXX đã

viện dẫn các căn cứ buộc tội bị cáo, dựa vào các căn cứ đó để áp dụng xử phạt bị cáo với những mức hình phạt tương ứng. Ngược lại, nếu tuyên bố bị cáo không phạm tội thì các bản án cũng đưa ra chứng cứ, căn cứ để không chấp nhận việc truy tố của Viện kiểm sát.

Thực tiễn cho thấy vẫn có bản án hình sự sơ thẩm viết chưa đầy đủ theo chuẩn mực về cả hình thức và nội dung, lập luận của người bào chữa chưa được ghi nhận phân tích đầy đủ trong bản án và còn mang tính hình thức, chung chung như xét thấy quan điểm của luật sư không có cơ sở nên HĐXX không chấp nhận, nhưng lý do vì sao không có cơ sở không được lập luận trong bản. Còn tình trạng Thẩm phán viết theo thói quen, tùy tiện mà không tuân thủ theo hướng dẫn. Theo báo cáo kết quả kiểm tra công tác xét xử của Tòa án nhân dân hai cấp Thành phố Hồ Chí Minh năm 2016 số 06/BC-DKT ngày 10/01/2017 cho thấy: Trên cơ sở kiểm tra hồ vụ án mà cụ thể là kiểm tra bản án của Tòa án nhân dân tối cao tiến hành kiểm tra tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án nhân dân các Quận thì trên tổng số 1.813 bản án hình sự được kiểm tra có 09 bản án bị kiến nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm do chưa đúng về mặt nội dung và hình thức, các kết luận của các bản án chưa phù hợp với sự thật khách quan của vụ án và chưa áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự và TTHS; có 28 bản án cần rút kinh nghiệm trong việc viết bản án, về phần nhận định, trong phần xét thấy ghi nhận các tình tiết giảm nhẹ TNHS không đúng, rờm rà không cần thiết như là “bị cáo là lao động chính, gia đình bị cáo có công lao với tổ quốc, hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động chính, bản thân vừa mỗ lao hạch sức khỏe yếu ...”, bị cáo phạm tội môi giới mại dâm bản án lại nhận định bị cáo nhất thời phạm tội, phạm tội do thiếu hiểu biết

2.4 Đánh giá thực trạng phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

2.4.1 Tình hình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 01/04/1997 từ 05 xã phía Bắc và một phần Thị trấn Nhà Bè, Quận 7 đã hình thành với diện tích tự nhiên là 3.576 ha, nằm về phía Đông nam Thành phố Hồ Chí Minh, phía Bắc giáp Quận 4 và Quận 2; ranh giới là kênh Tẻ và sông Sài Gòn,

phía Nam giáp huyện Nhà Bè; ranh giới là rạch Đĩa, sông Phú Xuân, phía Đông giáp Quận 2, Đồng Nai; ranh giới là sông Sài Gòn và sông Nhà Bè, phía Tây giáp Quận 8 và huyện Bình Chánh; ranh giới là rạch Ông Lớn. Quận 7 có vị trí địa lý khá quan trọng trong khai thác giao thông thủy và bộ, là cửa ngõ phía Nam của Thành phố, là cầu nối mở hướng phát triển của Thành phố với biển Đông và thế giới. Các trục giao thông lớn đi qua, sông Sài Gòn bao bọc phía Đông với hệ thống cảng chuyên dụng, trung chuyển hàng hoá đi nước ngoài và ngược lại, rất thuận lợi cho việc phát triển thương mại và vận tải hàng hoá cũng như hành khách đi các vùng lân cận. Khu chế xuất Tân Thuận thu hút rất đông người lao động, ngoài ra còn có công trình phát triển đô thị tầm cỡ lớn như khu dân cư Phú Mỹ Hưng tập trung đông người nước ngoài sinh sống, học tập và làm việc trên địa bàn quận.

Với đặc điểm tự nhiên - Vị trí địa lý quan trọng nên tình hình đô thị hóa ở Quận 7 hết sức sôi động. Bên cạnh những thành tựu đạt được thì mặt trái của tốc độ đô thị hóa nhanh, người nhập cư quá đông cũng đang làm ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình tội phạm nói chung và tội phạm dưới 18 tuổi nói riêng, đang diễn biến phức tạp và ngày càng có dấu hiệu gia tăng về số lượng, phức tạp về phương thức, thủ đoạn thực hiện. Qua công tác thu thập số liệu từ kết quả giải quyết các vụ án hình sự sơ thẩm tại TAND Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016 có thể thấy tình hình xét xử hình sự sơ thẩm đối với người phạm tội dưới 18 tuổi trên địa bàn Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Trong những năm gần đây, tội phạm nói chung và tội phạm do người dưới 18 tuổi nói riêng diễn biến phức tạp. Hàng năm, Toà án đã giải quyết đưa ra xét xử số lượng án hình sự rất lớn và đạt tỷ lệ rất cao, luôn chiếm tỷ lệ trên 95%. Từ năm 2012 đến năm 2016, trên toàn địa bàn Quận 7 số bị cáo Tòa án đưa ra xét xử là rất cao (1.585 vụ với 2.630 bị cáo) và vụ án có bị cáo dưới 18 tuổi được đưa ra xét xử tổng cộng 50 vụ án, có tổng cộng 61 bị cáo là dưới 18 tuổi, đạt tỷ lệ 100%. Cho thấy các quy định của BLTTHS năm 2003 về thủ tục tố tụng tại phiên toà hình sự sơ thẩm đối với bị cáo dưới 18 tuổi nhìn chung đã đáp ứng được yêu cầu của hoạt động xét xử tại Tòa án, bên cạnh việc góp phần nâng cao vị thế của Tòa án, bảo vệ hữu hiệu lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, thì cũng đã đáp ứng

được yêu cầu mục đích đấu tranh phòng chống tội phạm là người dưới 18 tuổi (Bảng số 2.2).

Tỷ lệ bị cáo là người phạm tội dưới 18 tuổi bị Tòa án xét xử so với tổng số bị cáo Tòa án đưa ra xét xử hàng năm là thấp, nhưng tăng giảm thất thường, năm 2015 và năm 2016 số bị cáo chưa thành niên giảm mạnh, chỉ còn một nửa so với với những năm từ 2012 đến 2014, giảm rất nhiều so với số lượng bị cáo đã bị xét xử. Nhìn bảng thống kê 2.2 cho thấy: năm 2015 và năm 2016 số lượng bị cáo đưa ra xét xử tăng rất cao so với những năm trước, trong khi số lượng bị cáo chưa thành niên giảm hơn một nửa so với các năm trước, vì vậy tỷ lệ bị cáo chưa thành niên đưa ra xét xử ở mức rất thấp (1% và 1,3%).

Tội phạm do người dưới 18 tuổi phạm tội thực hiện tương đối đa dạng, diễn biến phức tạp, trong đó tập trung chủ yếu các tội xâm phạm sở hữu như: Cướp tài sản, cướp giật tài sản, trộm cắp tài sản và tội phạm về ma túy. Trong số các tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện thể hiện qua thống kê Bảng số 2.3 thì loại tội phạm chiếm tỷ lệ cao nhất là cướp giật tài sản (chiếm 22 vụ trong tổng số 50 vụ trong 05 năm) và loại tội phạm chiếm tỷ lệ cao thứ 2 là Cướp tài sản (16 vụ trong tổng số 50 vụ trong 05 năm), đây là loại tội phạm cho thấy người chưa thành niên thực hiện hành vi phạm tội nguy hiểm có tính hung hãn, chịu ảnh hưởng, tác động tiêu cực của môi trường sống, các loại phim ảnh hành động, dễ bị kích động nên có hành vi bạo lực, phạm tội có tính chất trắng trợn, sử dụng bạo lực, hung khí để chiếm đoạt tài sản. Qua đó cho thấy mặc dù tỷ lệ vụ án do người phạm tội dưới 18 tuổi có tỷ lệ thấp so với án hình sự nói chung, nhưng tính chất phức tạp của tội phạm dưới 18 tuổi cần phải quan tâm. Các tội phạm khác xâm phạm các quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ có xảy ra nhưng không đáng kể.

Qua nghiên cứu các bản án đã được xét xử đối với bị cáo dưới 18 tuổi, nhìn chung TAND Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Các Thẩm phán và HTND luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, dựa trên các quy định của BLHS, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cho xã hội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS để quyết định hình phạt đối với từng bị cáo trong từng vụ án cụ thể. Trong số 50 phiên tòa

xét xử 50 vụ án hình sự do người dưới 18 tuổi thực hiện đã được đưa ra xét xử sơ thẩm, TNHS của từng bị cáo được thể hiện qua hình phạt áp dụng cụ thể đối với bị cáo đó. Số bản án sơ thẩm xét xử bị cáo dưới 18 tuổi từ năm 2012 đến năm 2016 của Toà án nhân dân Quận 7 bị kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm hoặc kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm do có sai lầm nghiêm trọng là không có.

Theo BLHS hiện hành, người dưới 18 tuổi phạm tội được phân hóa theo hai nhóm tuổi khác nhau (từ 14 đến dưới 16 tuổi và từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi). Qua thực tiễn xét xử hình sự sơ thẩm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trên địa bàn Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016 cho thấy phiên tòa xét xử người dưới 18 tuổi phạm tội nằm trong độ tuổi từ 16 đến dưới 18 nhiều hơn thể hiện thông qua thống kê Bảng số 2.4

Tỷ lệ người phạm tội dưới 18 tuổi đưa ra xét xử ở độ tuổi từ 16 đến dưới 18 tuổi trên địa bàn Quận 7 luôn chiếm tỷ lệ cao hơn, nhóm tội phạm NCTN ở độ tuổi đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi mặc dù thấp hơn nhóm tội phạm ở độ tuổi từ 16 đến dưới 18 tuổi nhưng cho thấy tỷ lệ khá cao, năm 2015 chiếm tỷ lệ 42.9%. Trong khi đó, quy định của BLHS hiện hành thì người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu TNHS về các tội rất nghiêm trọng do cố ý, hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng cho nên tội phạm dưới 18 tuổi tăng mạnh theo chiều hướng trẻ hóa và mạnh động gây nguy hiểm rất lớn cho xã hội.

2.4.2 Những hạn chế hạn chế, vướng mắc trong áp dụng các quy định pháp luật tố tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi từ thực tiễn Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, hoạt động xét xử của Toà án vẫn còn nhiều khuyết điểm, thiếu sót. Nhiều phiên tòa ở mức độ này hay mức độ khác vẫn còn xảy ra tình trạng vi phạm các quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng tại phiên tòa.

Thực tiễn xét xử những vụ án hình sự có bị cáo dưới 18 tuổi phạm tội tại TAND Quận 7 cho thấy, nhìn chung tình hình tội phạm dưới 18 tuổi xảy ra không nhiều nhưng tính chất phức tạp của vụ án ngày càng cao. Mặc dù đã có quy định tương đối chi tiết trong luật về thủ tục riêng áp dụng xét xử đối với bị cáo dưới 18 tuổi nên không có nhiều khó khăn khi xét xử. Tuy nhiên, cũng có những vướng mắc

nhất định về thủ tục tố tụng tại phiên tòa khi xét xử bị cáo dưới 18 tuổi phạm tội:

Thứ nhất: Về thành phần HĐXX đối với người phạm tội dưới 18 tuổi:

Điều 307 BLTTHS quy định phải có một Hội thẩm là giáo viên hoặc là cán bộ Đoàn thanh niên tham gia vào việc xét xử, nhưng do cơ cấu HTND là giáo viên hoặc là cán bộ Đoàn thanh niên luôn luôn là người kiêm nhiệm và vẫn chưa được chú trọng cho nên hiện nay số lượng rất ít so với nhu cầu tham gia xét xử các vụ án có bị cáo dưới 18 tuổi. Do đó, công tác mời HTND tham gia phiên tòa hình sự sơ thẩm để xét xử bị cáo dưới 18 tuổi còn nhiều khó khăn, số HTND tham gia xét xử bị cáo dưới 18 tuổi tại tòa phần lớn là giáo viên đã nghỉ hưu hay cán bộ Đoàn thanh niên là Bí thư đoàn phường còn trẻ họ không nắm rõ tâm lý của lứa tuổi từ đủ 14 đến dưới 18 tuổi.

Luật quy định Hội thẩm là giáo viên, nhưng không quy định Hội thẩm đang là giáo viên hay đã từng là giáo viên. Nên đối với những Hội thẩm đã từng là giáo viên, nhưng hiện không đang là giáo viên, thì có được tham gia xét xử trong phiên tòa có bị cáo dưới 18 tuổi hay không. Theo hướng dẫn riêng của TAND Thành phố Hồ Chí Minh và thực tiễn xét xử của TAND Quận 7 vẫn chấp nhận trường hợp Hội thẩm đã từng là giáo viên tham gia xét xử bị cáo dưới 18 tuổi, vì họ hiểu được tâm lý của người dưới 18 tuổi dưới góc độ giáo dục, đây chỉ là sự vận dụng linh động mà không căn cứ vào văn bản quy phạm pháp luật nào. Nhìn chung về mặt bằng HTND chưa được trang bị kỹ về kiến thức pháp luật, bên cạnh đó phần lớn là họ kiêm nhiệm và HTND không bị trực tiếp ảnh hưởng gì nhiều nếu trường hợp án họ tham gia xét xử bị hủy, sửa nên ý thức trách nhiệm khi tham gia xét xử không được HTND đề cao, những lý do này ảnh hưởng đến chất lượng xét xử của HĐXX.

Thứ hai: Trình độ hiểu biết về tâm lý học và khoa học giáo dục của HĐXX

Pháp luật quy định Thẩm phán xét xử các vụ án hình sự đối với người phạm tội dưới 18 tuổi phải là người có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục, nhưng thực tiễn từ trước đến nay vẫn chưa có chương trình đào tạo đặc biệt cho Thẩm phán, HTND, Kiểm sát viên, Thư ký phiên tòa chuyên trách để thực hiện xét xử đối với bị cáo dưới 18 tuổi. Công tác đào tạo chuyên trách trong việc thực hiện xét xử các vụ án do người dưới 18 tuổi thực hiện của ngành Tòa án và những

cơ quan giáo dục hay Đoàn thanh niên là chưa có, cũng như chưa có những lớp học hay lớp tập huấn riêng chuyên sâu về tâm lý của người phạm tội dưới 18 tuổi, nên việc biết hiểu về tâm lý để đánh giá ý thức phạm tội của người dưới 18 tuổi của những người tiến hành tố tụng khi xét xử người phạm tội dưới 18 tuổi là chưa sâu. Mỗi cá nhân chưa thành niên, có môi trường sống hoàn toàn khác nhau. Cách nhìn nhận của họ về cuộc sống, về xã hội là rất khác nhau. Điều quan trọng là HĐXX phải thấu hiểu và có cái nhìn đúng về mỗi cá nhân để đánh giá chứng cứ và quyết định hình phạt cho chính xác. Nên vấn đề đánh giá tâm lý, ý chí phạm tội của người phạm tội dưới 18 tuổi khi quyết định hình phạt, là vấn đề vô cùng khó khăn đối với HĐXX. Bên cạnh đó pháp luật nước ta thiếu ổn định, hay thay đổi, cũng như các quy định khắc khe trong việc bổ nhiệm Thẩm phán của pháp luật, cùng với việc Thẩm phán đều phải thực hiện xét xử tất cả các loại án, Thẩm phán còn chịu áp lực trong việc thi đua hàng năm với áp lực công việc, số lượng án phải hoàn thành trong một năm, áp lực về việc tái bổ nhiệm (05 năm một lần), làm cho Thẩm phán ở Tòa án cấp quận huyện dễ rơi vào tình trạng quá tải, ảnh hưởng không tốt đến chất lượng xét xử.

Thứ ba: Về “đại diện gia đình” và sự có mặt của đại diện gia đình của bị cáo

Pháp luật quy định tại phiên tòa xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi phải có mặt đại diện của gia đình bị cáo. Nhưng để hiểu như thế nào là đại diện gia đình, cũng có nhiều cách hiểu và vận dụng khác nhau do chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào hướng dẫn. Thực tế xét xử, Tòa án chấp nhận người đại diện gia đình bị cáo là những người khác ngoài cha mẹ của bị cáo trong trường hợp bị cáo không còn cha mẹ như ông, bà, cô, dì, chú, bác, anh chị ruột của bị cáo, hay bị cáo không còn người thân thích thì đại diện nhà trường, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh hoặc tổ chức khác tham gia phiên tòa với tư cách là người đại diện hợp pháp của bị cáo.

Việc tham gia của đại diện gia đình, nhà trường và các tổ chức xã hội cũng chưa được chú trọng đúng mức. Họ tham dự phiên tòa chủ yếu là để xem Tòa án xét xử và nghe Tòa tuyên án, chưa phát huy được vai trò phối hợp với Tòa án trong việc giáo dục, cải tạo người phạm tội dưới 18 tuổi, chỉ những trường hợp cần giải quyết

việc bồi thường thiệt hại vật chất cho người bị hại do bị cáo dưới 18 tuổi gây ra thì mới có sự phối hợp giữa Tòa án và đại diện gia đình bị cáo. Tại mục 16 phần II Công văn 81/2002/TANDTC ngày 10-6-2002 của Tòa án nhân dân tối cao có hướng dẫn: “*Đối với trường hợp không xác minh được lý lịch của bị cáo thì tại phiên tòa xét xử không nhất thiết phải có mặt đại diện của gia đình bị cáo, đại diện nhà trường hoặc tổ chức xã hội*”. Công văn trên chỉ hướng dẫn trong trường hợp không xác định được lý lịch của bị cáo, còn trong trường hợp xác định được lý lịch của bị cáo, nhưng gia đình bị cáo ở quá xa, không thể tổng đạt được giấy triệu tập, thì phải giải quyết thế nào. Rất nhiều phiên tòa xét xử người phạm tội dưới 18 không thấy sự có mặt của đại diện gia đình, nhà trường và tổ chức xã hội. Có rất nhiều nguyên nhân khác nhau về sự không có mặt này, có khi người đại diện gia đình bị cáo ở quá xa. Hầu hết các vụ án xét xử Thẩm phán không triệu tập nhà trường và tổ chức xã hội mà hầu như chỉ triệu tập đại diện gia đình bị cáo. Khó khăn nhiều nhất là việc tổng đạt văn bản tố tụng cho đại diện gia đình của bị cáo trong trường hợp gia đình của bị cáo ở quá xa. Vấn đề này, luật chưa quy định hướng mở cho cơ quan tiến hành tố tụng phải giải quyết như thế nào nên việc áp dụng như thế nào là tùy vào quan điểm của từng Thẩm phán.

Thứ tư: Về vấn đề người bào chữa và cấp giấy chứng nhận bào chữa

Việc người bào chữa tham gia trong vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi là bắt buộc để bảo đảm quyền lợi cho họ. Nhưng trên thực tế việc áp dụng thủ tục này vẫn còn nhiều khó khăn. Người bào chữa được chỉ định nhưng do bận việc hoặc thiếu trách nhiệm nên chỉ gửi bài bào chữa cho Tòa mà không đến dự phiên tòa, trong trường hợp này bị cáo là người dưới 18 tuổi không đồng ý với việc Luật sư vắng mặt thì phải hoãn phiên tòa để đảm bảo quyền bào chữa cho bị cáo. Khoản 2 Điều 38 BLTTHS quy định việc cấp giấy chứng nhận bào chữa là do Chánh án quyết định, trong khi việc cấp giấy chứng nhận bào chữa BLTTDS quy định thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bào chữa Thẩm phán quyết định. Có trường hợp người bào chữa cho bị cáo dưới 18 tuổi tham gia bào chữa với tư cách là cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước và vẫn yêu cầu Tòa án cấp lại giấy chứng nhận bào chữa sau khi đã có giấy chứng nhận bào chữa của Cơ quan điều tra cấp.

Yêu cầu này của người bào chữa là phù hợp với quy định của BLTTHS, nhưng lại trái với quy định tại Điều 39 Luật trợ giúp pháp lý: “Giấy chứng nhận tham gia tố tụng của Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư có giá trị trong các giai đoạn tố tụng, trừ trường hợp bị thu hồi...” (Khoản 3 Điều 39 Luật trợ giúp pháp lý). Như vậy, chỉ cần người bào chữa có giấy chứng nhận bào chữa của Cơ quan điều tra cấp, là họ có quyền tham gia tố tụng đến khi xét xử, nhưng thực tế, nếu Tòa án không cấp lại giấy chứng nhận bào chữa, thì người bào chữa sẽ gặp khó khăn khi tiến hành thủ tục tiếp xúc bị can, bị cáo trong trại giam. Mặt khác, giấy chứng nhận bào chữa do Tòa án cấp phải được lưu trong hồ sơ vụ án. Do có hai Bộ luật quy định khác nhau về cùng một vấn đề, nên việc áp dụng ở mỗi nơi là khác nhau và không thống nhất, dẫn đến việc khó khăn khi áp dụng pháp luật. Bởi vì, nếu Tòa án căn cứ vào Luật trợ giúp pháp lý để từ chối cấp lại giấy chứng nhận người bào chữa, thì cũng không sai.

Kết luận chương 2

Nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội dưới 18 tuổi là “giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội” là nguyên tắc mang tính định hướng, chỉ đạo cho Tòa án và HĐXX trong quá trình xét xử. Dựa vào quan điểm về bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo dưới 18 tuổi của Đảng và Nhà nước, trên cơ sở kế thừa các quy định pháp luật đã có, BLTTHS đã quy định khá cụ thể về các trình tự, thủ tục tại phiên tòa khi tiến hành xét xử vụ án hình sự sơ thẩm mà bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Qua nghiên cứu các nguyên tắc, các quy định về thủ tục phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi của BLTTHS, chúng ta có thể thấy tất cả đều thể hiện sự nhất quán đường lối, chủ trương của Nhà nước ta đối với chủ thể đặc biệt này. Các quy định pháp luật thể hiện sự khoan hồng, nương nhẹ trong việc xét xử hình sự sơ thẩm, thể hiện chính sách nhân đạo, nhân văn của pháp luật Việt Nam, đề cao tính hướng thiện, tạo điều kiện cho bị cáo dưới 18 tuổi có cơ hội để tái hòa nhập với xã hội, tìm lại cuộc đời sau những lỗi lầm đã vấp phải.

Thực tiễn tại Quận 7, chúng ta thấy với số lượng các vụ án hình sự phải mà hàng năm TAND Quận 7 xét xử khá nhiều, trong đó án hình sự do người phạm tội dưới 18 tuổi. Trong 05 năm từ năm 2012 đến năm 2016 chúng ta nhận thấy tỷ lệ

kháng cáo, kháng nghị các bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi rất ít. Điều đó nói lên rằng quy định của BLTTHS năm 2003 về thủ tục tố tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm đối với bị cáo dưới 18 tuổi nhìn chung đã đáp ứng được yêu cầu của hoạt động xét xử hình sự sơ thẩm tại Tòa án và công tác xét của TAND Quận 7 được tiến hành thận trọng, tỷ mỉ và đúng pháp luật. Qua thực tiễn xét xử cũng đã chỉ ra một số vướng mắc, bất cập và những nội dung quy định còn thiếu sót chưa phù hợp của pháp luật hiện hành. Chương 3 luận văn này sẽ đề ra những kiến nghị giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật để nâng cao hiệu quả của phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi, bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo dưới 18 tuổi khi bị tòa án đưa ra xét xử hình sự sơ thẩm tại phiên tòa.

Chương 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA PHIÊN TÒA XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ MÀ BỊ CÁO LÀ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

3.1 Cải cách tư pháp về định hướng nâng cao hiệu quả xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

Nói cải cách tư pháp là nói cải cách tổ chức và phương thức hoạt động của các cơ quan tư pháp bao gồm Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra, Cơ quan thi hành án, các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp như Công chứng, Giám định tư pháp, Hộ tịch, Quốc tịch, Lý lịch tư pháp, Luật sư, Tư vấn pháp luật... Những thay đổi cơ bản trong đời sống kinh tế – xã hội của đất nước trong quá trình xây dựng phát triển, yêu cầu khách quan đặt ra là phải tiến hành cải cách bộ máy nhà nước, điều chỉnh phạm vi nội dung và phương thức hoạt động của Nhà nước cho phù hợp thời kỳ đổi mới. Nguyên tắc quản lý nhà nước, quản lý xã hội bằng pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa phải được đề cao hơn bao giờ hết. Trong cải cách bộ máy nhà nước, cải cách tư pháp có vị trí rất quan trọng. Bởi vì, các cơ quan tư pháp là công cụ quan trọng của Đảng và Nhà nước để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ nhân dân, các quyền và lợi ích hợp pháp và chính đáng của người dân, bảo đảm kỷ cương xã hội.

Chủ trương của Cải cách tư pháp về việc xây dựng nền tư pháp trong sạch vững mạnh mà trọng tâm là nâng cao hiệu quả của hoạt động xét xử

Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, ngày 02/6/2005 Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 49-NQ/TW về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 với mục tiêu xuyên suốt là “*Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao*”. Trọng tâm là xây dựng và hoàn thiện tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, tổ chức Tòa án theo thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính. Việc thành lập tòa chuyên trách phải căn cứ vào thực

tế xét xử của từng cấp Tòa án, từng khu vực. Đổi mới Tòa án nhân dân tối cao theo hướng tinh gọn với đội ngũ Thẩm phán là những chuyên gia đầu ngành về pháp luật, có kinh nghiệm trong ngành, thông qua thực tiễn xét xử, tiến hành tổng kết, phát hiện và kiến nghị hoàn thiện hệ thống pháp luật của Nhà nước.

Như vậy, một trong khâu trọng điểm của cải cách tư pháp của Nhà nước ta hiện nay là xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh mà trọng tâm là cải cách và hoàn thiện bộ máy Tòa án và nâng cao hiệu quả của hoạt động xét xử, trong đó có cả vấn đề nâng cao hiệu quả xét xử đối với bị cáo dưới 18 tuổi. Cải cách hệ thống Tòa án và xây dựng nguồn lực nhân sự thực hiện hoạt động xét xử là một trong những chủ trương lớn của Nhà nước. Thực hiện chủ trương đó ở cấp độ riêng biệt, Nhà nước cần đưa ra những định hướng hoàn thiện hoạt động xét xử đối với người phạm tội dưới 18 tuổi. Với vai trò đặc biệt quan trọng của Tòa án trong hệ thống các cơ quan tư pháp, phán quyết của tòa án thể hiện kết quả cuối cùng của tiến trình tố tụng: tuyên bố một công dân có tội hoặc không có tội, đúng hoặc sai. Vì lẽ đó, Tòa án là nơi thể hiện sâu sắc nhất bản chất của nhà nước và nền công lý nước ta; đồng thời thể hiện chất lượng hoạt động và uy tín của hệ thống tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Cho nên trong chiến lược cải cách tư pháp cần chọn cải cách Tòa án là khâu đột phá trong cải cách tư pháp, cải cách Tòa án là tạo ra các điều kiện và các phương tiện tố tụng tối ưu để giải quyết các vụ án đúng pháp luật, kịp thời và nghiêm minh.

Chủ trương coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội.

Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã đưa ra chủ trương hoàn thiện chính sách hình sự theo hướng đề cao tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Ở góc độ TTHS, chủ trương đó cho đặt ra nhiệm vụ hoàn thiện thủ tục TTHS đối với người phạm tội dưới 18 tuổi theo hướng bảo đảm lợi ích tốt nhất cho họ trong hoạt động tố tụng nói chung và trong hoạt động xét xử nói riêng. Đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố

tụng theo hướng bảo đảm tính công khai, dân chủ, nghiêm minh; nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp.

Một trong những yêu cầu của Cải cách tư pháp của nước ta là vấn đề bảo đảm quyền con người nhất là quyền con người trong TTTHS mà đáng chú ý là quyền của bị can, bị cáo nói chung và của bị cáo là người dưới 18 tuổi nói riêng. Qua đó việc với nhu cầu bảo vệ người dưới 18 tuổi là một yêu cầu bức thiết mà Đảng và Nhà Nước ta đã đặt ra trong chiến lược cải cách tư pháp được thể hiện rõ trong các Nghị quyết của trung ương, đặc biệt Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị “Về một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tư pháp trong thời gian tới đã đề ra nhiệm vụ: “Nghiên cứu thành lập Tòa hôn nhân và gia đình”.

Vấn đề xét xử người phạm tội dưới 18 tuổi đã được quy định trong một chương riêng biệt trong BLTTHS 2003, tuy nhiên vẫn còn những hạn chế và bất cập trong quá trình thực tiễn xét xử do nhiều nguyên nhân. Do đó để tháo gỡ những vướng mắc này, cần tiến hành đổi mới đồng bộ để theo kịp đà phát triển của xã hội và đúng theo tinh thần cải cách tư pháp đến năm 2020 mà Đảng và Nhà nước đã đề ra, vấn đề cốt lõi trong chiến lược cải cách tư pháp là làm sao để Tòa án có vị trí trung tâm trong trong hệ thống các cơ quan tư pháp và nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử. Vì vậy, trong công tác xét xử hình sự sơ thẩm nói chung và xét xử hình sự sơ thẩm người phạm tội dưới 18 tuổi nói riêng, mà cụ thể là thủ tục tố tụng tại phiên tòa người phạm tội dưới 18 tuổi chúng ta cần có những thay đổi đó là:

Thứ nhất: Đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử người phạm tội dưới 18 tuổi.

Thứ hai: Cần đào tạo đội ngũ Thẩm phán chuyên trách để thực hiện công tác xét xử bị cáo dưới 18 tuổi nhằm đáp ứng tình hình xét xử bị cáo dưới 18 tuổi theo đúng tinh thần cải cách tư pháp.

Thứ ba: Đảm bảo quy định bắt buộc phải có người bào chữa trong các vụ án hình sự có bị cáo dưới 18 tuổi trong trường hợp đại diện gia đình bị cáo hoặc bị cáo từ chối người bào chữa và trường hợp người phạm tội trong giai đoạn điều tra truy tố là người dưới 18 tuổi nhưng đến giai đoạn xét xử thì bị cáo đủ 18 tuổi.

Thứ tư: Theo tinh thần cải cách tư pháp thì cần xây dựng Tòa án gia đình và Tòa án NCTN để xét xử chuyên biệt cho bị cáo dưới 18 tuổi với mục đích thiết lập “phiên tòa thân thiện” đối với bị cáo dưới 18 tuổi, cụ thể là: trong phiên tòa không có vành móng ngựa, bị cáo không đứng trước vành móng ngựa, bàn của HĐXX, Kiểm sát viên, Thư ký phiên tòa, luật sư, bị cáo được trải khăn bàn và có bình hoa. HĐXX, Kiểm sát viên, luật sư không xưng hô tôi với bị cáo mà thay đổi xưng hô tôi với anh, chị hoặc tôi với em, cháu. Khi tiến hành xét hỏi, người nhà bị cáo được phép ngồi cạnh bị cáo, trong phiên tòa không được còng tay bị cáo.

Với việc thành lập Tòa án gia đình và Tòa án NCTN để xét xử bị cáo dưới 18 tuổi theo hình thức thân thiện có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm dưới 18 tuổi, phù hợp với tiến trình cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3.2 Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

Trong phạm vi luận văn này, học viên chỉ đề xuất một số giải pháp hoàn thiện BLTTHS 2003 liên quan đến phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi và một số văn bản pháp luật khác có liên quan đến việc xét xử người phạm tội dưới 18 tuổi.

Thứ nhất: Bổ sung quy định nguyên tắc tiến hành tố tụng đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi như Điều 414 BLTTHS 2015

Bị cáo dưới 18 tuổi bị truy cứu TNHS và phải đối mặt với sự buộc tội rất nghiêm khắc. Dù muốn hay không, tiến trình tố tụng ít nhiều cũng để lại những tổn thương tâm lý cho bị cáo dưới 18 tuổi. Mặt khác, việc họ phạm tội một phần có nguyên nhân từ phía xã hội. Quan điểm của Nhà nước Việt Nam về chính sách xử lý hình sự đối với người phạm tội dưới 18 tuổi thể hiện rõ tại quy định của Điều 91 BLHS 2015 là “*Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội*”. Và người tham gia tố tụng ở lứa tuổi dưới 18 không chỉ là bị can, bị cáo mà còn là các đương sự khác, đặc biệt là người bị hại.

Chủ trương trên là cơ sở đưa ra một trong những nguyên tắc tiến hành tố tụng là “*Bảo đảm thủ tục tố tụng thân thiện, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi, mức độ trưởng thành, khả năng nhận thức của người dưới 18 tuổi; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi; bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi*”. Đây là cách tiếp cận toàn diện, cân bằng đối với những người dưới 18 tuổi tham gia tố tụng với những vai trò khác nhau, đặc biệt là bị can, bị cáo và người bị hại.

Nguyên tắc này cũng sẽ là tư tưởng chỉ đạo cho Thẩm phán khi tiến hành phiên tòa xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi phải tạo ra một môi trường thân thiện trong việc làm sáng tỏ các vấn đề pháp lý hình sự liên quan đến sự buộc tội của Nhà nước và hành vi phạm tội của người dưới 18 tuổi. Điều 414 BLTTHS 2015 đã thể chế hóa chủ trương quan trọng của Nhà nước trong TTHS đối với người phạm tội dưới 18 tuổi.

Thứ hai: Quy định xác định tuổi của bị cáo là người dưới 18 tuổi

Để xác định có áp dụng thủ tục đặc biệt để xét xử bị cáo hay không phụ thuộc tiên quyết vào việc xác định tuổi của bị cáo có phải dưới 18 tuổi hay không. Thực tiễn tố tụng đã hình thành cách xác định tuổi của bị cáo. Tuy nhiên, cách xác định đó mới chỉ ở mức độ văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật và chưa được luật hóa. Vấn đề này cần được quy định trong BLTTHS làm cơ sở pháp lý chính thức cho việc xác định tuổi của bị cáo. Tác giả cho rằng việc BLTTHS 2015 bổ sung quy định về cách xác định tuổi của người bị buộc tội tại Điều 417 là có cơ sở và đem lại sự thống nhất trong áp dụng pháp luật TTHS. Theo Điều 417 BLTTHS 2015, tuổi của người bị buộc tội, người bị hại là người dưới 18 tuổi được xác định theo nguyên tắc sau:

+ Việc xác định tuổi của người bị buộc tội, người bị hại là người dưới 18 tuổi do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thực hiện theo quy định của pháp luật.

+ Trường hợp đã áp dụng các biện pháp hợp pháp mà vẫn không xác định được chính xác thì ngày, tháng, năm sinh của họ được xác định: * Trường hợp xác định được tháng nhưng không xác định được ngày thì lấy ngày cuối cùng của tháng đó làm ngày sinh. * Trường hợp xác định được quý nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong quý đó làm ngày,

tháng sinh. * Trường hợp xác định được nửa của năm nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong nửa năm đó làm ngày, tháng sinh. * Trường hợp xác định được năm nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong năm đó làm ngày, tháng sinh.

+ Trường hợp không xác định được năm sinh thì phải tiến hành giám định để xác định tuổi.

Kết quả đánh giá thực tiễn tố tụng cho thấy cần thiết phải luật hóa nguyên tắc xác định tuổi của bị cáo và người bị hại để bảo đảm sự thống nhất trong áp dụng pháp luật TTHS. Tác giả cho rằng, bổ sung quy định về xác định tuổi của người phạm tội trong đó có bị cáo theo Điều 417 BLTTHS 2015 là một bảo đảm pháp lý cho hoạt động TTHS một cách thống nhất trên phạm vi toàn quốc, khắc phục vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật.

Thứ ba: Sửa đổi bổ sung trường hợp xét xử kín như khoản 2 Điều 423 BLTTHS 2015

Theo đoạn 2 khoản 1 Điều 307 BLTTHS năm 2003 quy định đối với việc xét xử bị cáo dưới 18 tuổi, trong trường hợp cần thiết Tòa án có thể quyết định xét xử kín, đây là quy định theo hướng mở, trao quyền lựa chọn cho Tòa án mà cụ thể là HĐXX có quyền lựa chọn hình thức xét xử kín để bảo vệ quyền lợi của bị cáo dưới 18 tuổi được tốt hơn, nếu xét thấy xử công khai sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi và sự phát triển bình thường của bị cáo dưới 18 tuổi sau này. Do BLTTHS 2003 quy định việc xét xử kín mới chỉ xuất phát từ yêu cầu bảo vệ bị cáo là người dưới 18 tuổi, nên trong thực tế việc áp dụng hình thức xử kín đối với người phạm tội dưới 18 tuổi khá tùy nghi, Tòa án mà cụ thể là HĐXX chỉ áp dụng hình thức xử kín khi có yêu cầu của bị cáo hoặc những người tham gia tố tụng khác. Việc này không chỉ ảnh hưởng đến sự phát triển sau này của bị cáo dưới 18 tuổi mà còn ảnh hưởng đến tâm sinh lý của nạn nhân là người dưới 18 tuổi. Việc pháp luật không đưa ra trường hợp cụ thể để xét xử kín mà thực tế thì các Thẩm phán thường áp dụng hình thức xét xử công khai đã chưa thực sự quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi chính đáng cho người dưới 18 tuổi.

Với cách tiếp cận toàn diện đặt yêu cầu không chỉ bảo vệ bị cáo dưới 18 tuổi mà cần bảo vệ cả người bị hại là người dưới 18 tuổi. Mở rộng các trường hợp xét xử kín liên quan đến bị cáo cũng như người bị hại dưới 18 tuổi là cách tiếp cận toàn diện và công bằng. Do vậy, tác giả hoàn toàn tán đồng với quy định sửa đổi BLTTHS 2003 với nội dung “*Trường hợp đặc biệt cần bảo vệ bị cáo, bị hại là người dưới 18 tuổi thì Tòa án có thể quyết định xét xử kín*” (khoản 2 Điều 423 BLTTHS 2015). Như vậy, lý do để xét xử kín không chỉ vì cần bảo vệ bị cáo mà còn là bảo vệ người bị hại dưới 18 tuổi. Với quy định này làm cho quy định về xét xử kín toàn diện hơn trên các khía cạnh khác nhau, phù hợp với chính sách bảo vệ đặc biệt đối với người dưới 18 tuổi.

Thứ tư: Sửa đổi, bổ sung quy định về sự tham gia của đại diện gia đình bị cáo

Khoản 3 Điều 306 BLTTHS 2003 quy định: “*Tại phiên tòa xét xử bị cáo là NCTN phải có mặt đại diện của gia đình bị cáo trừ trường hợp đại diện gia đình có ý vắng mặt mà không có lý do chính đáng...*” Quy định này ở mức độ nhất định đã bảo đảm sự tham gia đại diện gia đình bị cáo trong hầu hết vụ án hình sự xét xử bị cáo dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy với quy định nêu trên thì việc đại diện gia đình bị cáo dưới 18 tuổi có tham gia phiên tòa hay không còn tùy tâm của họ, dẫn đến tình trạng thờ ơ vô trách nhiệm của gia đình đến việc sai phạm cũng như số phận của con cái họ; cũng như tạo cơ hội cho những sai sót, tùy tiện trong tố tụng xét xử. Để khắc phục tình hình này, rất cần phải quy định chặt chẽ hơn trường hợp xét xử vắng mặt đại diện gia đình bị cáo đối với phiên tòa xét xử bị cáo dưới 18 tuổi.

Khoản 3 Điều 423 BLTTHS 2015 quy định: “*Phiên tòa xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi phải có mặt người đại diện của bị cáo, đại diện của nhà trường, tổ chức nơi bị cáo học tập, sinh hoạt, trừ trường hợp những người này vắng mặt mà không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan*”. Với những phân tích bất cập của PL TTHS tại Chương 2, chúng tôi hoàn toàn chia sẻ với quy định sửa đổi của BLTTHS 2015 về vấn đề này. Đó là chỉ cho phép xét xử khi vắng mặt người đại diện gia đình bị cáo nếu sự vắng mặt của đại diện gia đình bị cáo là vì lý

do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Điều đó đồng nghĩa với việc BLTTHS 2015 không còn cho phép xét xử vắng mặt người đại diện của gia đình bị cáo ngay cả trong trường hợp họ cố ý vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Quy định này một mặt đặt nghĩa vụ của gia đình bị cáo phải tham gia phiên tòa, đồng thời cũng đặt trên vai của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có trách nhiệm bằng các phương cách pháp luật cho phép phải bảo đảm sự tham gia phiên tòa của gia đình bị cáo. Quy định mới là một kênh quan trọng bảo đảm đầy đủ hơn lợi ích hợp pháp của bị cáo dưới 18 tuổi.

Thứ năm: Bổ sung quy định về trường hợp phải hoãn phiên tòa vì lý do vắng mặt người đại diện gia đình bị cáo

Chương XVIII BLTTHS 2003 quy định về thủ tục tố tụng tại phiên tòa đã quy định rõ các trường hợp hoãn phiên tòa do vắng mặt người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng (từ Điều 187 – 194 BLTTHS 2003), không có quy định nào về hoãn phiên tòa vì vắng mặt người đại diện gia đình bị cáo là người dưới 18 tuổi. Với quy định bắt buộc đại diện gia đình bị cáo dưới 18 tuổi phải tham gia phiên tòa trừ trường hợp bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan thì cần quy định bổ sung trường hợp phải hoãn phiên tòa và quy định thời hạn hoãn phiên tòa vì lý do vắng mặt người đại diện gia đình bị cáo.

Thứ sáu: Quy định sửa đổi, bổ sung về bào chữa cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi

Điều 305 BLTTHS 2003 quy định: “*Trong trường hợp bị can, bị cáo là NCTN hoặc người đại diện hợp pháp của họ không lựa chọn được người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải yêu cầu Đoàn luật sư phân công Văn phòng luật sư cử người bào chữa cho họ hoặc đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của Mặt trận cử người bào chữa cho thành viên của tổ chức mình.*”. Việc phải có người bào chữa trong các vụ án hình sự có người phạm tội dưới 18 tuổi là bắt buộc để bảo vệ quyền lợi cho bị can, bị cáo; cũng theo quy định tại đoạn 2 điểm b khoản 2 Điều 57 BLTTHS 2003, nếu đại diện gia đình bị cáo hoặc bị cáo từ chối luật sư bào chữa cho bị cáo thì cơ quan tiến hành tố tụng không bắt buộc phải có người bào chữa đối với người phạm tội dưới 18 tuổi. Ngoài

ra, pháp luật cũng chưa có quy định cụ thể về sự tham gia của người bào chữa trong trường hợp người bị tạm giữ, tạm giam lúc phạm tội là dưới 18 tuổi nhưng đến giai đoạn xét xử thì đủ 18 tuổi, việc pháp luật không quy định cụ thể có người bào chữa tham gia phiên tòa bắt buộc hay không, nên trong trường hợp bị cáo đủ 18 tuổi trong giai đoạn xét xử chưa có sự thống nhất trong việc có sự tham gia của người bào chữa khi xét xử, có Thẩm phán vẫn yêu cầu luật sư tham gia bào chữa để đảm bảo quyền lợi cho bị cáo, nhưng phần lớn Thẩm phán không yêu cầu có người bào chữa cho bị cáo khi xét xử.

Như đã phân tích bị cáo dưới 18 tuổi về đặc điểm thể chất và tinh thần chưa phát triển toàn diện, không hiểu biết đầy đủ về pháp luật, họ không có đủ điều kiện để tự bảo vệ mình trước phiên tòa. Nếu người bị tạm giữ, tạm giam lúc phạm tội là dưới 18 tuổi nhưng đến giai đoạn xét xử đủ 18 tuổi thì xét về thời gian, độ tuổi trưởng thành của người vừa bước qua tuổi 18 không có gì khác biệt so với người từ đủ 14 tuổi cho đến dưới 18 tuổi. Cho nên với lý do đại diện gia đình bị cáo hoặc bị cáo từ chối người bào chữa và đã hết tuổi vị thành niên mà bị cáo lại không có người bào chữa tại phiên tòa trước HĐXX chuyên nghiệp và đại diện Viện kiểm sát thì ảnh hưởng đến quyền bào chữa của họ tại phiên tòa, không bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của bị cáo dưới 18 tuổi. Theo chúng tôi, bên cạnh quy định quyền lựa chọn người bào chữa, yêu cầu thay đổi người bào chữa thì cần có những sửa đổi bổ sung quy định trong BLTTHS làm cơ sở pháp lý chính thức đối với trường hợp bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi (và kể cả người có nhược điểm về thể chất hay tâm thần) họ không có quyền từ chối người bào chữa trong bất kì trường hợp nào và bắt buộc phải có người bào chữa tham gia phiên tòa kể cả trường hợp lúc phạm tội là dưới 18 tuổi nhưng đến giai đoạn xét xử thì đủ 18 tuổi. Vì vậy, kiến nghị sửa đổi Điều 57 BLTTHS 2003 như sau:

Điều 57. Lựa chọn và thay đổi người bào chữa

1. Giữ nguyên

2. Trong những trường hợp sau đây, nếu bị can, bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp của họ không mời người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án phải yêu cầu Đoàn luật sư phân công Văn phòng luật sư cử người bào

chữa cho họ hoặc đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của Mặt trận cử người bào chữa cho thành viên của tổ chức mình:

a) Bị can, bị cáo về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình được quy định tại Bộ luật hình sự;

b) Bị can, bị cáo là NCTN, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất.

Bị can, bị cáo và người đại diện hợp pháp của họ vẫn có quyền yêu cầu thay đổi hoặc từ chối người bào chữa trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Bị can, bị cáo và người đại diện hợp pháp của họ có thể yêu cầu thay đổi người bào chữa nhưng không có quyền từ chối người bào chữa trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

3. Giữ nguyên.

Thứ bảy: Bổ sung quy định về thành phần Hội đồng xét đối với người phạm tội dưới 18 tuổi

Khoản 1 Điều 307 BLTTHS 2003 quy định: “Thành phần HĐXX phải có một Hội thẩm là giáo viên hoặc là cán bộ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh”. Luật không quy định cụ thể là tại thời điểm thành lập HĐXX hay tại thời điểm xét xử thì Hội thẩm còn là giáo viên, cán bộ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh không. Nếu tại thời điểm Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu Hội thẩm và Hội thẩm đó còn là giáo viên hoặc cán bộ đoàn, nhưng đến khi Tòa án mời tham gia HĐXX thì họ không còn là giáo viên hoặc cán bộ đoàn, hay giáo viên đã về hưu thì có vi phạm tù tặc tổ tụng không. Có trường hợp người được bầu làm Hội thẩm là cán bộ đoàn là người trẻ tuổi hoặc giáo viên trẻ làm công tác giảng dạy học sinh cấp 2, chẳng bao lâu đã không còn là giáo viên hoặc cán bộ đoàn nữa hoặc đã làm nghề tự do nhưng chưa hết nhiệm kỳ, họ vẫn tham gia xét xử các vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi. Nên giáo viên và cán bộ đoàn phải là người đương nhiệm chứ không phải là người đã về hưu hay vì lý do gì khác họ không còn đương nhiệm. Đặc biệt, cần thiết phải quy định đối với hội thẩm là giáo viên thì phải là giáo viên đang trực tiếp giáo dục học sinh trong lứa tuổi từ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi, như vậy mới

thỏa mãn yêu cầu do luật định là hiểu rõ tâm lý của lứa tuổi người phạm tội dưới 18 tuổi.

Do vậy, tác giả tán đồng với quy định sử đổi BLTTHS 2003 với nội dung *“Thành phần HĐXX sơ thẩm vụ án phải có một Hội thẩm là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên hoặc người có kinh nghiệm, hiểu biết tâm lý người dưới 18 tuổi”* (khoản 1 Điều 423 BL THHS 2015).

Thứ tám: Cần bổ sung thêm khái niệm “bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi”

Bộ luật TTHS 2003 chỉ mới khái niệm về bị can, bị cáo (Điều 49, 50), không có khái niệm thế nào là bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi. Bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi có những quyền và lợi ích riêng biệt do pháp luật dành cho để bảo vệ họ khi họ bị bắt, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử mà bị can, bị cáo bình thường không có. Không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án, nên trước khi bị kết án, thì họ phải được pháp luật bảo vệ. NCTN đủ từ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ bị bắt tạm giam khi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc đặc biệt nghiêm trọng. NCTN đủ từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chỉ bị bắt tạm giam khi phạm tội nghiêm trọng do cố ý, phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng. Như vậy người dưới 18 tuổi không bị bắt giam khi phạm tội ít nghiêm trọng. Do đó, khi có khái niệm rõ ràng bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi, quy định về quyền và nghĩa vụ của họ để đảm bảo cho họ có cuộc sống, học tập bình thường trước khi có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

3.3. Những giải pháp nâng cao hiệu quả xét xử tại phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi

Một là: Giải thích luật

Điều 302 BLTTHS 2003: *“Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán tiến hành tố tụng đối với NCTN phạm tội phải là người có những hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm của NCTN”*. Điều 307 BLTTHS 2003, *“Thành phần HĐXX sơ thẩm vụ án phải có một Hội thẩm là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên hoặc người có kinh nghiệm,*

hiểu biết tâm lý người dưới 18 tuổi”. Với các quy định nêu trên đặt ra yêu cầu giải thích luật về các vấn đề:

+ Như thế nào là người có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm của NCTN. Cần chỉ rõ những chứng chỉ nghiệp vụ hoặc nghề nghiệp mà những người tiến hành tố tụng trong đó có Thẩm phán cần có được. Mặt khác, cần đưa ra giải pháp tổ chức cho những người tiến hành tố tụng được đào tạo các khóa học trong các lĩnh vực nêu trên để họ đáp ứng được tiêu chuẩn đặt ra.

+ Cần giải thích các trường hợp được coi là giáo viên để bảo đảm sự thống nhất trong thực tiễn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi. Giáo viên ở đây cần hiểu là những người đang đương chức là giáo viên, cũng như những người đã từng là giáo viên nay đã nghỉ hưu. Giải thích như vậy phù hợp với thực tiễn bầu HTND và vẫn đáp ứng yêu cầu là HTND là người hiểu biết về tâm lý học, khoa học giáo dục.

Hai là: Sắp xếp lại mô hình phiên tòa xét xử người phạm tội dưới 18 tuổi

Sắp xếp, trang trí phòng xử án làm sao đảm bảo tính thân thiện để tránh cho bị cáo dưới 18 tuổi bị ám ảnh quá nhiều bởi hành vi trái pháp luật của mình, sớm nhận thức được hành vi đó là sai trái và tạo điều kiện cho bị cáo dưới 18 tuổi sớm tái hòa nhập cộng đồng.

Ba là: Trang bị kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức chuyên sâu về tâm sinh lý NCTN cho Thẩm phán, HTND, Kiểm sát viên đảm bảo tốt công tác xét xử

Ngoài những bảo đảm về mặt pháp lý, cần phải có những bảo đảm cho yếu tố con người, chủ yếu tiến hành tố tụng là nâng cao ý thức trách nhiệm, trình độ nghiệp vụ và những kiến thức cần thiết về tâm sinh lý NCTN cho đội ngũ cán bộ tư pháp và cả đội ngũ Luật sư tham gia xét xử vụ án do bị cáo dưới 18 tuổi phạm tội thực hiện.

Kiến nghị xây dựng lại hệ thống khung đào tạo Thẩm phán để đào tạo nên những Thẩm phán chuyên sâu tâm lý học, khoa học giáo dục để tiến hành giải quyết các vụ án mà bị cáo dưới 18 tuổi. Trang bị thêm kiến thức, chuyên môn về pháp luật

đối với HTND bảo đảm tốt công tác xét xử. Tiến tới việc bổ nhiệm Thẩm phán nhiệm kỳ suốt đời cho các Thẩm phán để yên tâm thực hiện việc xét xử đúng theo quy định pháp luật. TANDTC phải thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát các Thẩm phán trong quá trình giải quyết các vụ án tránh trường hợp ỷ lại, thiếu trách nhiệm, không hoàn thành công việc.

Kiểm sát viên bên cạnh việc nắm vững các kiến thức của pháp luật, các chứng cứ trong vụ án để đưa ra những lập luận sắc bén khi tham gia phiên tòa, còn phải nắm vững các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm là người phạm tội dưới 18 tuổi và phải có trình độ nhận thức về các vấn đề kinh tế, xã hội và cần được đào tạo chuyên sâu kiến thức về tâm lý học, khoa học giáo dục để tham gia giải quyết các vụ án mà bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Bốn là: Khắc phục những vướng mắc trong thực tế

Nên tăng cường áp dụng công nghệ thông tin vào công tác của các cơ quan tư pháp, qua đó thông tin lẫn nhau về những vướng mắc trong việc giải quyết vụ án hình sự mà bị cáo dưới 18 tuổi cùng những biện pháp khắc phục, từ đó nâng hiệu quả trong việc xử lý cũng như bảo vệ có hiệu quả quyền lợi bị cáo dưới 18 tuổi phạm tội. Cụ thể là nên lắp máy ghi hình, ghi âm tại phòng hỏi cung để ghi lại quá trình Điều tra viên tiến hành hỏi cung sẽ đảm bảo cho bị can người dưới 18 tuổi mạnh dạn hơn trong quá trình tiếp xúc với Điều tra viên và khi cần thiết cũng có thể mang ra kiểm tra, đối chiếu. Áp dụng mô hình xét xử trực tuyến ... Tăng cường tổ chức tuyên truyền pháp luật TTHS cho người dân để họ hiểu rõ hơn về quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi tham gia vào quan hệ TTHS, đồng thời qua hiểu biết của mình, họ có thể giám sát tốt hơn hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng.

Năm là: Khắc phục những bất cập liên quan đến người bào chữa

Cần tăng cường đội ngũ Luật sư về số lượng, nâng cao vai trò, vị trí của họ trong quá trình tranh tụng và nâng cao về trình độ pháp luật, kỹ năng tranh tụng cho Luật sư là rất cần thiết. Hiện nay số lượng các vụ án hình sự có người bào chữa tham gia lại càng khiêm tốn hơn vì có rất nhiều vụ án hình sự do bị cáo không có khả năng về tài chính. Bên cạnh đó việc Tòa án yêu cầu phải làm lại thủ tục cấp

giấy chứng nhận người bào chữa ở giai đoạn xét xử, mặc dù ở giai đoạn khởi tố điều tra đã được cấp giấy chứng nhận bào chữa, làm mất nhiều thời gian và gây phiền hà về thủ tục không cần thiết. Vì vậy, nên bỏ đi thủ tục cấp lại giấy chứng nhận người bào chữa ở giai đoạn xét xử nếu người bào chữa đã được cấp giấy chứng nhận bào chữa ở giai đoạn tố tụng trước, mà Tòa án chỉ cần yêu cầu người bào chữa xuất trình giấy chứng nhận bào chữa đã được cấp và giấy tờ pháp lý chứng nhận tư cách bào chữa trong vụ án đó của mình.

Kết luận chương 3

Thủ tục tố tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm là một vấn đề tương đối rộng, chiếm một vị trí rất quan trọng trong hệ thống các thủ tục tố tụng bảo đảm cho việc giải quyết vụ án hình sự. Nếu tổ chức được phiên tòa xét xử sơ thẩm tốt sẽ đảm bảo được tính dân chủ trong hoạt động tư pháp

Dưới sự chỉ đạo của Đảng trong công cuộc cải cách tư pháp thông qua các Nghị quyết, kết luận của Bộ chính trị, Ban bí thư, các cơ quan, ban ngành trong khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình ngày càng hoàn thiện và có những bước tiến vượt bậc để hội nhập quốc tế. Quốc hội và Chính phủ trong công tác quản lý và điều hành của mình cũng không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật để đảm bảo thực thi quyền con người nói chung và quyền của người phạm tội dưới 18 tuổi nói riêng. Cụ thể là việc ban hành các văn bản pháp luật nhằm bảo vệ người phạm tội dưới 18 tuổi cũng như định hướng trong vấn đề xử lý người phạm tội dưới 18 tuổi.

Thực tiễn xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của Tòa án trong thời gian qua có thể thấy rằng các quy định của BLTTHS năm 2003 về thủ tục tố tụng tại phiên tòa tương đối chặt chẽ, có tính hệ thống. Nhờ đó đã phát huy hiệu quả trong công tác xét xử, góp phần vào việc bảo vệ quyền của người phạm tội dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, sau hơn 10 năm áp dụng BLTTHS 2003, đã bộc lộ nhiều điểm bất cập, thiếu tính hợp lý trong thực thi pháp luật và việc tiến hành tố tụng tại phiên tòa đối với bị cáo dưới 18 tuổi cũng như bảo vệ người dưới 18 tuổi bị xâm phạm (bị hại) trong các vụ án hình sự. Có nhiều chế định đã được quy định trong luật và văn bản dưới luật nhưng xa rời thực tế, không có cơ chế để thực hiện như yêu cầu người tiến hành tố

tụng (Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán) đối với người phạm tội dưới 18 tuổi phải có hiểu biết về tâm lý học, khoa học giáo dục nhưng không có văn bản nào giải thích cụ thể như thế nào được xem là “có sự hiểu biết” hoặc trong thành phần HĐXX các vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì phải có một Hội thẩm là giáo viên hoặc cán bộ đoàn nhưng không có văn bản nào hướng dẫn “giáo viên” phải là người đang trực tiếp giảng dạy hay đã nghỉ hưu. Trong trường hợp đang giảng dạy thì phải giảng dạy ở lớp nào, cấp nào. Độ tuổi của trẻ em mà giáo viên đó tiếp xúc hằng ngày là ở độ tuổi nào.

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, chúng tôi đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả xét xử hình sự sơ thẩm tại phiên tòa đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi. Trong số các giải pháp đưa ra, cần tiến hành đồng bộ các giải pháp, song cũng cần xác định giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật TTHS là giải pháp cơ bản, hàng đầu. Các giải pháp khác có tác dụng hỗ trợ, bổ sung nhằm nâng cao hiệu quả của thủ tục xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự.

KẾT LUẬN

Một trong những biểu hiện của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là pháp luật của Nhà nước được thể chế hóa và bảo vệ quyền của công dân và quyền của con người. Trong đó, trẻ em là thế hệ tương lai của đất nước nên "Giành tất cả những gì tốt đẹp nhất cho trẻ em" là mục tiêu quan trọng luôn được sự quan tâm của toàn xã hội, đặc biệt là các cơ quan bảo vệ pháp luật, đòi hỏi Nhà nước cần có những chính sách phù hợp nhằm bảo đảm cho sự phát triển của thế hệ tương lai. Điều này thể hiện tính nhân văn, nhân đạo sâu sắc của hệ thống luật pháp thuộc Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Đảng và Nhà nước đã thực hiện nhiều hoạt động như rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, tăng cường các định chế kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện pháp luật; Đổi mới bộ máy Nhà nước từ việc tổ chức đến hoạt động, trong đó, chú trọng đến công tác cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị đã đề ra là: *"Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao"*. Cùng với sự hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung, những quy định về TTTHS đối với người dưới 18 tuổi đã đạt được những bước phát triển quan trọng và ngày càng được đổi mới và hoàn thiện hơn. BLTTTHS đã có những quy định riêng về thủ tục tố tụng tại phiên tòa đối với những vụ án liên quan đến người phạm tội dưới 18 tuổi, nhưng thực tiễn áp dụng vẫn còn có nhiều hạn chế, sai sót cần khắc phục. Qua những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng các quy định của BLTTTHS chúng ta cần phải tập trung nghiên cứu và hoàn thiện hơn các quy định về trình tự, thủ tục tố tụng trong việc xử lý người phạm tội dưới 18 tuổi nói chung (điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án) và thủ tục tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm đối với bị cáo dưới 18 tuổi nói riêng, các quy định về người tham gia tố tụng, quyền và nghĩa vụ của người tiến hành tố tụng... ngoài việc nghiên cứu các quy định của pháp luật để áp dụng chính xác trong công tác xét xử, ngành Tòa án cần tổ chức hội nghị

chuyên đề hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong công tác xét xử các vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi, Tòa án cần phối hợp với Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc xử lý người phạm tội dưới 18 tuổi, tùy theo tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm mà có hình thức xử phạt nghiêm minh theo đúng pháp luật, công bố kết quả xét xử trên các phương tiện thông tin đại chúng để tăng tác dụng răn đe, giáo dục cũng như hỗ trợ quần chúng nhân dân tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện. Cùng với việc xét xử đúng, Tòa án phải phát hiện thiếu sót hoặc những hành vi vi phạm khác trong quản lý người phạm tội dưới 18 tuổi của gia đình, nhà trường và xã hội... là nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm, góp phần giải quyết đúng đắn vụ án và góp phần vào công cuộc chung của xã hội là đấu tranh phòng chống tội phạm.

Thể hiện chính sách nhân đạo và khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội dưới 18 tuổi nên BLTTHS đã dành một chương quy định riêng biệt về thủ tục xét xử bị cáo dưới 18 tuổi. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các em, pháp luật là sự công minh và nghiêm khắc, nhưng cũng có tính mềm dẻo, giáo dục nhất là đối với bị cáo dưới 18 tuổi. Những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng trong việc xét xử bị cáo dưới 18 tuổi tại phiên tòa đã được quy định trong luật và các văn bản hướng dẫn dưới luật tương đối đầy đủ nhưng có một số cơ chế chính sách chưa phù hợp nên trong quá trình áp dụng pháp luật đã nhận thấy những khuyết điểm, bất cập trong BLTTHS 2003 cần sửa đổi khắc phục. Do đó việc hoàn thiện hệ thống pháp luật là việc mà Đảng và Nhà nước ta đã đang và sẽ tiến hành từng bước, hoàn thiện từng bước.

Qua nghiên cứu và qua thực tiễn cho thấy cơ quan tiến hành tố tụng tại địa bàn Quận 7 rất tạo điều kiện cho cán bộ trong ngành học hỏi, nghiên cứu chuyên sâu để thực hiện công việc chuyên môn được tốt hơn. Hầu như các bản án xét xử vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi trên địa bàn Quận 7 đã được xét xử hình sự sơ thẩm, tỉ lệ kháng cáo, kháng nghị rất thấp, cho thấy người xét xử và người bị xét xử đa phần hài lòng với bản án, quyết định mà Tòa án đã tuyên. Mặc dù hệ thống pháp luật tố tụng chưa thực sự hoàn thiện nhưng sự cố gắng của TAND Quận 7 nói riêng, Tòa án nhân dân các cấp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nói chung đã

cố gắng hoàn thiện mình và áp dụng quy định pháp luật khéo léo vừa đảm bảo tính công minh của pháp luật, đồng thời góp phần bảo vệ và giúp đỡ người dưới 18 tuổi khi đã phạm tội có thể nhận ra lỗi lầm của mình để sửa chữa, khắc phục. Đáp ứng đúng mục tiêu mà Đảng và Nhà nước đã đặt ra trong việc xử lý người phạm tội dưới 18 tuổi là “Nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội”.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/1/2002 của Bộ chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới.*
2. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ chính trị về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.*
3. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.*
4. Trần Duy Bình (2012), *Thực tiễn và một số kiến nghị nhằm bảo đảm thực hiện nguyên tắc “khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (Số 11).
5. Nguyễn Hữu Chính (2012), *Một số vấn đề về tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (Số 13).
6. Nguyễn Chí Dũng (2014), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc xét hỏi và tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm hình sự*, Tạp chí kiểm sát, (Số 54).
7. *Đại học luật Thành phố Hồ Chí Minh (2012), Giáo trình luật TTHS Việt Nam*, NXB Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam.
8. Trần Văn Độ (2011), *Giáo trình luật TTHS Việt Nam*, NXB giáo dục Việt Nam.
9. Duy Kiên (2012), *Những vấn đề cơ bản về thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (Số 16).
10. Lê Thị Thúy Nga (2008), *Về thủ tục xét hỏi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm*, Tạp chí luật học, (Số 7).
11. Võ Thị Kim Oanh (2011). *Xét xử sơ thẩm trong TTHS Việt Nam*, NXB Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam.
12. Nguyễn Thái Phúc (2007), *Mô hình TTHS Việt nam những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tạp chí khoa học pháp lý, (Số 5).
13. Nguyễn Thái Phúc (2009), *Đổi mới phiên tòa sơ thẩm hình sự nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (Số 2).

14. Nguyễn Hồng Quân (2007), *Một số vấn đề cần chú ý khi thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử vụ án có người chưa thành niên phạm tội*, Tạp chí kiểm sát, (Số 6).
15. Đinh Văn Quế (2007), *Bình luận khoa học Bộ luật TTHS*, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
16. Đinh Văn Quế (2008), *Một số vấn đề cần chú ý đối với Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà khi xét xử vụ án hình sự*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (Số 14).
17. Đinh Văn Quế (2000), *Thủ tục xét xử sơ thẩm trong Luật TTHS Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia.
18. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009*, NXB Chính trị Quốc gia.
19. Quốc hội (2005), *Bộ luật TTHS 2003*, NXB Chính trị Quốc gia.
20. Quốc hội (2015), *Bộ luật TTHS 2015*, NXB Chính trị Quốc gia.
21. Quốc hội (2007), *Bộ luật dân sự 2005*, NXB Chính trị Quốc gia.
22. Quốc hội (2012), *Bộ luật lao động 2012*, NXB Chính trị Quốc gia.
23. Quốc hội (2009), *Luật trợ giúp pháp lý 2006*, NXB Chính trị Quốc gia.
24. Quốc hội (2012), *Luật bảo vệ và chăm sóc trẻ em 2004*, NXB Chính trị Quốc gia.
25. Quốc hội (2013), *Hiến pháp 2013*, NXB Chính trị Quốc gia.
26. Hoàng Thị Minh Sơn (2009), *Hoàn thiện một số quy định của Bộ luật TTHS về thủ tục phiên toà sơ thẩm nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Tạp chí luật học, (Số 10).
27. Nguyễn Thị Kim Thanh (2010), *Những hạn chế trong quy định của Bộ luật TTHS về giới hạn việc xét xử sơ thẩm*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (Số 20)
28. Nguyễn Thị Mai Thùy (2013), *Phiên Tòa xét xử hình sự sơ thẩm trong TTHS Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh – Luận văn Thạc sĩ luật học*.
29. Tòa án nhân dân Quận 7 (2012, 2013, 2014, 2015, 2016), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016*.
30. Tòa án nhân dân tối cao (2017), *Báo cáo kết quả kiểm tra công tác xét xử của Tòa án nhân dân hai cấp Thành phố Hồ Chí Minh năm 2016*

31. Tòa án nhân dân tối cao (2009), *Báo cáo tổng kết ngành năm 2008*
32. Tòa án nhân dân tối cao (2002), *Công văn 81/2002/TANDTC ngày 10-6-2002 giải đáp các vấn đề nghiệp vụ.*
33. Nguyễn Văn Trọng (2008), *Thực trạng tranh tụng tại phiên tòa hình sự và việc nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa theo tinh thần cải cách tư pháp*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 13).
34. Trần Hữu Tráng (2015): *Chức năng bào chữa: Thực trạng quy định và những điểm tích cực, hạn chế trong thực hiện chức năng này ở Việt Nam, Hội thảo khoa học các chức năng của TTHS trong bối cảnh cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay – Viện Hàn Lâm khoa học xã hội Việt Nam.*
35. Nguyễn Văn Trọng (2010), *Cần sửa đổi, bổ sung một số thủ tục tố tụng tại phiên tòa hình sự theo tinh thần cải cách tư pháp*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (Số 6).
36. Trương Hồng Tú (2016), *Xét xử hình sự sơ thẩm đối với NCTN phạm tội từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh – Luận văn Thạc sĩ luật học.*
37. Võ Khánh Vinh (2002), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam phần chung*, NXB Đại học Huế.
38. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2010), *sổ chuyên đề về mô hình TTHS Việt Nam*, Thông tin khoa học kiểm sát, (Số 5+6).

PHỤ LỤC

Bảng số 2.1: *Thống kê về số lượng HTND là giáo viên hoặc là cán bộ Đoàn thanh niên, người kiêm nhiệm, độ tuổi và được chứng nhận hoặc cấp chứng chỉ công nhận có trình độ hiểu biết về khoa học giáo dục và tâm lý học đối với người phạm tội dưới 18 tuổi:*

Số lượng HTND (HTND) trong nhiệm kỳ	Số lượng HTND là giáo viên hoặc là cán bộ Đoàn thanh niên	Số lượng HTND kiêm nhiệm	Độ tuổi HTND tham gia xét xử trong nhiệm kỳ	Số lượng HTND được đào tạo, chứng nhận hoặc cấp chứng chỉ công nhận có trình độ hiểu biết về khoa học giáo dục và tâm lý học đối với người phạm tội dưới 18 tuổi.
Nhiệm kỳ III (2005-2009): 43	6/43	12	Từ 25 đến 36 tuổi: 12/43	0
		17	Từ 37 đến 46 tuổi: 17/43	0
		9	Từ trên 46 tuổi: 9/43	0
Nhiệm kỳ IV (2010-2015): 33	5/33	11	Từ 25 đến 36 tuổi: 11/33	0
		14	Từ 37 đến 46 tuổi: 14/33	0
		3	Từ trên 46 tuổi: 8/33	0
Nhiệm kỳ V (2016-2021): 34	7/34	9	Từ 25 đến 36 tuổi: 9/34	0
		13	Từ 37 đến 46 tuổi: 13/34	0
		7	Từ trên 46 tuổi: 12/34	0

(Nguồn: TAND Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh)

Bảng số 2.2: Thống kê tình hình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự có người dưới 18 tuổi thực hiện trên địa bàn Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến 2016:

NĂM	TỔNG THỤ LÝ		GIẢI QUYẾT		THỤ LÝ ÁN CÓ NPT DƯỚI 18 TUỔI		GIẢI QUYẾT		TỶ LỆ % ÁN CÓ NPT DƯỚI 18 TUỔI SO VỚI ÁN ĐÃ XÉT XỬ	
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ xét xử	Số bị cáo đưa ra xét xử	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ xét xử	Số bị cáo đưa ra xét xử	Số vụ	Số bị cáo
2012	277	490	275	488	14	16	14	16	5	3,3
2013	258	447	257	441	12	13	12	13	4,6	2,9
2014	273	478	273	478	13	18	13	18	4,7	3,7
2015	449	669	449	669	06	07	06	07	1,3	1
2016	332	556	331	554	05	07	05	07	1,5	1,3
Tổng số	1.589	2.670	1.585	2.630	50	61	50	61	3,1	2,3

(Nguồn: TAND Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh)

Bảng số 2.3: Thống kê các loại tội phạm do NCTN thực hiện đã được xét xử trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2011 đến năm 2016:

TỘI DANH	ĐIỀU LUẬT ÁP DỤNG	SỐ VỤ ÁN	SỐ BỊ CÁO
Cướp tài sản	133	16	20
Cướp giạt tài sản	136	22	28
Trộm cắp tài sản	138	4	4
Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	140	1	1
Cưỡng đoạt tài sản	135	1	2
Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy	194	3	3
Chứa mại dâm	254	1	1
Đánh bạc	248	1	1
Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe người khác	104	1	1
		50	61

(Nguồn: TAND Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh)

Bảng số 2.4: Thống kê xét xử người dưới 18 tuổi phạm tội chia theo nhóm tuổi trên địa bàn Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016:

Năm	Tổng số người dưới 18 tuổi phạm tội	Bị cáo từ 14 đến dưới 16 tuổi		Bị cáo từ 16 đến dưới 18 tuổi	
		Tổng số	Tỷ lệ %	Tổng số	Tỷ lệ %
2012	16	5	31,25	11	68,75
2013	13	4	30,8	9	69,2
2014	18	3	16,7	15	83,3
2015	7	3	42,9	4	57,1
2016	7	1	14,3	6	85,7
Tổng số	61	16	26,2	45	73,8

(Nguồn: TAND Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh)